

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----\*\*\*-----

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP  
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019  
THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH**

**Ninh Bình, năm 2018**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP  
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019  
THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH**

*Ngày .... tháng ... năm 2018*

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Ngày .... tháng ... năm 2018*

**UBND TP NINH BÌNH**

**Ninh Bình, năm 2018**

## MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	i
DANH MỤC BẢNG .....	iv
ĐẶT VẤN ĐỀ .....	1
I. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019 .....	1
II. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019 .....	2
2.1. Cơ sở pháp lý .....	2
2.2. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ .....	2
III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA VIỆC LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....	3
3.1. Mục đích .....	3
3.2. Yêu cầu .....	4
IV. BỐ CỤC CỦA BÁO CÁO .....	4
V. SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN.....	4
PHẦN I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI .....	5
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG .....	5
1.1. Điều kiện tự nhiên .....	5
1.2. Các nguồn tài nguyên.....	5
1.3. Cảnh quan môi trường.....	6
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.....	7
2.1. Thực trạng phát triển kinh tế.....	7
2.2. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập .....	8
2.3. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn .....	9
2.4. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng .....	10
III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG .....	15
3.1. Những thuận lợi cơ bản .....	15
3.2. Những khó khăn và thách thức.....	16
PHẦN II.....	17
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018.....	17
I. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 .....	17
1.1. Đất phi nông nghiệp .....	17

1.2. Đất phi nông nghiệp .....	18
1.3. Đất chưa sử dụng.....	20
II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018.	20
2.1. Đất nông nghiệp .....	22
2.2. Đất phi nông nghiệp .....	24
2.3. Đất chưa sử dụng.....	31
III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018.....	33
3.1. Những mặt được.....	33
3.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.....	34
PHẦN III.....	35
LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018.....	35
I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐƯỢC TÍNH PHÂN BỐ.....	35
II. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC .....	36
2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực chưa thực hiện năm 2017 phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2018.....	36
2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình trong năm 2019 .....	42
2.3. Tổng hợp cân đối nhu cầu sử dụng đất trong năm 2019 .....	47
2.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	36
2.5. Diện tích đất cần thu hồi.....	57
2.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng .....	59
2.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	60
2.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất .....	60
PHẦN IV .....	63
GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....	63
I. CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ MÔI TRƯỜNG.....	63
II. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	64
2.1. Giải pháp về quản lý.....	64
2.2. Giải pháp về kinh tế.....	65
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....	66
I. KẾT LUẬN .....	66
II. KIẾN NGHỊ .....	66

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<i>Chữ viết tắt</i>	<i>Chữ viết đầy đủ</i>
CHXHCN	: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
DSKHHGD	: Dân số kế hoạch hóa gia đình
GCNQSDD	: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
HTXDV	: Hợp tác xã dịch vụ
KH-KT&CN	: Khoa học - kỹ thuật và công nghệ
KK	: Kiểm kê
KT- XH	: Kinh tế - xã hội
KHSDD	: Kế hoạch sử dụng đất
NTTS	: Nuôi trồng thủy sản
QH	: Quy hoạch
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
STT	: Số thứ tự
THCS	: Trung học cơ sở
TTCN - XD	: Tiểu thủ công nghiệp - xây dựng
GPMB	: Giải phóng mặt bằng
UBND	: Ủy ban nhân dân
GD&ĐT	: Giáo dục và đào tạo
VH-TT-TT	: Văn hóa - Thể dục - Thể thao

## DANH MỤC BẢNG

<b>STT</b>	<b>Tên bảng</b>	<b>Trang</b>
	<i>Bảng 1. Danh mục các dự án đã thực hiện năm 2018 .....</i>	<i>21</i>
	<i>Bảng 2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018 đã được phê duyệt .....</i>	<i>31</i>
	<i>Bảng 3. So sánh chỉ tiêu sử dụng đất năm 2019 với chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 đã được phê duyệt.....</i>	<i>35</i>
	<i>Bảng 4. Các công trình đất ở nông thôn chưa thực hiện chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2019 .....</i>	<i>39</i>
	<i>Bảng 5. Chỉ tiêu đất năm 2018 chưa thực hiện chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2019 .....</i>	<i>41</i>
	<i>Bảng 6. Chỉ tiêu đất giao thông năm 2019 trên địa bàn thành phố Ninh Bình .....</i>	<i>43</i>
	<i>Bảng 7. Chỉ tiêu đất cơ sở giáo dục đào tạo năm 2019 .....</i>	<i>43</i>
	<i>Bảng 8. Chỉ tiêu đất ở tại đô thị năm 2019 trên địa bàn thành phố Ninh Bình .....</i>	<i>44</i>
	<i>Bảng 9. Chỉ tiêu đất sinh hoạt cộng đồng năm 2019 trên địa bàn TP Ninh Bình ...</i>	<i>45</i>
	<i>Bảng 10. Chỉ tiêu đất khu vui chơi giải trí năm 2019 trên địa bàn TP Ninh Bình ..</i>	<i>45</i>
	<i>Bảng 11. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân, năm 2019 .....</i>	<i>45</i>
	<i>Bảng 12. Diện tích đất nông nghiệp phân bổ cho các xã, phường .....</i>	<i>49</i>
	<i>Bảng 13. Diện tích đất phi nông nghiệp phân bổ cho các xã, phường .....</i>	<i>56</i>
	<i>Bảng 14. Diện tích đất cần chuyển mục đích phân bổ trên địa bàn các phường, xã...</i>	<i>57</i>
	<i>Bảng 15. Diện tích đất thu hồi năm 2019 chia theo đơn vị hành chính .....</i>	<i>58</i>
	<i>Bảng 16. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2019 chia theo đơn vị hành chính .....</i>	<i>59</i>
	<i>Bảng 17. Các khoản thu chủ yếu trong kỳ kế hoạch .....</i>	<i>61</i>

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

### **I. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019**

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt đối với sản xuất nông - lâm nghiệp, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hoá xã hội, quốc phòng, an ninh.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một nội dung quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về đất đai. Điều 6, Luật Đất đai 2013 khẳng định nguyên tắc sử dụng đất là phải đảm bảo “Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất”.

Xây dựng kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Trong quá trình đổi mới kinh tế - xã hội, nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích đầu tư kinh tế, phát triển đô thị... ngày càng nhiều. Vì vậy việc sử dụng đất cho các mục đích sản xuất phi nông nghiệp cần được tính toán hợp lý để đảm bảo được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội đồng thời phải coi trọng đảm bảo ổn định đời sống dân sinh và bảo vệ môi trường sinh thái.

Thành phố Ninh Bình đang trong quá trình đô thị hóa nhanh chóng và mạnh mẽ, tác động đến mọi lĩnh vực trong đời sống, kinh tế và xã hội, đặc biệt đối với lĩnh vực đất đai khi ngày càng làm thay đổi lớn về bộ mặt nông thôn trong quá trình chuyển dịch cơ cấu đất đai (*chuyển đổi mục đích sử dụng đất*); sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc biệt là sự phát triển về thương mại, dịch vụ, du lịch cùng với sự phát triển của công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Chính vì vậy, cần thiết phải có một cơ sở pháp lý hoàn thiện để thành phố Ninh Bình thực hiện việc giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, cá nhân sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ pháp luật, đồng thời là cơ sở, tiền đề để Thành phố Ninh Bình phát triển hơn nữa với lợi thế là trung tâm chính trị - kinh tế của tỉnh Ninh Bình.

Như vậy để phục vụ phát triển kinh tế xã hội của thành phố trong năm 2019, việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất một cách hợp lý, hiệu quả là hết sức quan trọng và cấp bách hiện nay.

Với những ý nghĩa đó, thực hiện Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật của Nhà nước về đất đai có liên quan, theo hướng dẫn tại Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, UBND thành phố Ninh Bình đã tiến hành lập **“Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình”**.

## **II. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019**

### **2.1. Cơ sở pháp lý**

- Luật đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013;
- Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 6/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật đất đai;
- Nghị định số 35/2015/NĐ - CP ngày 1/7/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Ninh Bình;
- Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 thành phố Ninh Bình; Văn bản số 344/UBND-VP3 ngày 19/9/2018 của UBND về việc chấp thuận cho phép thực hiện và cập nhật các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

### **2.2. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ**

- Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Ninh Bình lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015-2020;



- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Ninh Bình đến năm 2020;
- Văn bản 2363/STNMT-QLDD ngày 28/9/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
- Định hướng phát triển của các Sở, ngành trên địa bàn thành phố Ninh Bình đến năm 2020;
- Quy hoạch chung phát triển đô thị tỉnh Ninh Bình đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
- Quy hoạch chi tiết các phân khu trên địa bàn thành phố Ninh Bình đến năm 2020 và định hướng đến 2030 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thành phố Ninh Bình đã được phê duyệt;
- Số liệu thống kê đất đai năm 2017 của thành phố Ninh Bình;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 của thành phố Ninh Bình;
- Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 thành phố Ninh Bình đã được phê duyệt;
- Niêm giám Thống kê thành phố Ninh Bình qua các năm 2015, 2016;
- Các tài liệu khác có liên quan.

### **III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA VIỆC LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

#### **3.1. Mục đích**

- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đáp ứng đủ yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của thành phố Ninh Bình trên cơ sở tuân thủ đúng các quy định pháp luật. Tạo ra công cụ hữu hiệu giúp các cấp chính quyền tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đất đai.
- Đánh giá toàn diện hiện trạng sử dụng đất và biến động đất đai của năm trước. Rà soát kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước; xác định các chỉ tiêu chưa thực hiện được đối với phần diện tích được phân bổ sử dụng cho các mục đích khác nhau; kết quả phân diện tích phải chuyển đổi mục đích sử dụng theo kế hoạch sử dụng đất năm trước; các chỉ tiêu không có khả năng thực hiện; các chỉ tiêu cần phải điều chỉnh, bổ sung trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019
- Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 xây dựng phương án sử dụng đất hiệu quả, bền vững làm cơ sở pháp lý cho việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả phục vụ tốt nhất mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương.

### **3.2. Yêu cầu**

- Xác định rõ quy mô, diện tích, loại đất, địa điểm công trình, dự án trên bản đồ địa chính, bản đồ quy hoạch và cơ quan chấp thuận đầu tư, đặc biệt là các dự án có sử dụng đất lúa.

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018. Số liệu phân tích đảm bảo độ chính xác, trung thực.

- Các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách phải có quyết định phê duyệt chuẩn bị đầu tư hoặc đã được ghi vốn đầu tư. Các dự án không sử dụng nguồn vốn ngân sách phải có văn bản chấp thuận địa điểm hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

### **IV. BỐ CỤC CỦA BÁO CÁO**

Báo cáo: “Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình” ngoài phần Đặt vấn đề và Kết luận, kiến nghị gồm 4 phần chính sau:

- Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội
- Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018
- Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019
- Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

### **V. SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN**

- Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình và bảng biểu số liệu phân tích kèm theo;

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất thành phố Ninh Bình năm 2019 tỷ lệ 1:10.000 (dạng số và giấy).

- Các văn bản có liên quan trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt.
- Đĩa CD lưu trữ các tài liệu trên.

# **PHẦN I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI**

## **I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **1.1. Điều kiện tự nhiên**

Thành phố Ninh Bình nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Ninh Bình, có tọa độ địa lý từ 20<sup>0</sup>12' đến 20<sup>0</sup>17' vĩ độ Bắc và từ 105<sup>0</sup>55' đến 106<sup>0</sup>01' kinh độ Đông, với ranh giới hành chính, cụ thể:

- Phía Bắc và phía Tây giáp huyện Hoa Lư;
- Phía Nam giáp huyện Yên Khánh;
- Phía Đông giáp huyện Ý Yên của tỉnh Nam Định.

Thành phố Ninh Bình là đô thị loại II, cách Thủ đô Hà Nội khoảng 90 km theo tuyến quốc lộ 1A, có địa hình bằng phẳng, độ cao trung bình 0,9 - 1,2 m so với mực nước biển và dốc đều từ Bắc xuống Nam.

Khí hậu thành phố Ninh Bình mang những đặc điểm của khí hậu đồng bằng sông Hồng được chia thành 2 mùa rõ rệt: Mùa đông lạnh, ít mưa. Mùa hè nắng nóng, mưa nhiều. Ngoài ra, thành phố Ninh Bình còn chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc, đông nam và khí hậu ven biển.

Hiện nay trên địa bàn thành phố Ninh Bình có 4 con sông lớn chảy qua là sông Đáy, sông Chanh, sông Vạc và sông Vân, trong đó sông Đáy và sông Vạc là hai con sông chính cung cấp nước phục vụ hoạt động sản xuất, sinh hoạt cũng như thoát lũ. Mật độ sông, suối là 0,5 km/km<sup>2</sup>, các sông thường chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam rồi đổ ra biển.

### **1.2. Các nguồn tài nguyên**

#### **\* Tài nguyên đất**

Căn cứ vào tài liệu thổ nhưỡng của tỉnh Ninh Bình năm 1998, kết quả điều tra thực tế thì tài nguyên đất đai được đánh giá trên diện tích đất nông nghiệp là 1.939 ha. Gồm có các loại đất chính sau:

- Đất phù sa được bồi (Pb) diện tích khoảng 20 ha phân bố ở các dải hẹp ngoài đê dọc theo các hệ thống sông Đáy. Đất có độ phì khá, thành phần cơ giới nhẹ nên thích hợp cho việc trồng rau, hoa màu và cây trồng cận ngắn ngày.

- Đất phù sa không được bồi (Ph) diện tích khoảng 1.449 ha phân bố tập trung thành những vùng lớn trong đê có hàm lượng NPK tổng số dễ tiêu từ trung bình đến khá. Hàm lượng Cation trao đổi chất khá cao. Diện tích đất phù sa không được bồi hiện đang bố trí trồng lúa, trồng màu chuyên rau màu và cây

công nghiệp ngắn ngày. Loại đất này phân bố chủ yếu ở các xã Ninh Tiến, Ninh Phúc, Ninh Phong...

- Đất phù sa có tầng phèn tiềm tàng sâu (Ps) diện tích khoảng 250 ha hiện đang bố trí đất trồng 2 vụ lúa cho năng suất cao. Loại đất này phân bố chủ yếu ở Ninh Phong, Ninh Sơn, Ninh Phúc...

- Đất mặt nước nuôi trồng thủy sản 141 ha. Được phân bố chủ yếu ở các xã Ninh Nhất 30 ha, Ninh Phúc 28 ha, Ninh Phong 16 ha...

- Ngoài ra còn diện tích núi đá vôi diện tích 79 ha phân bố ở xã Ninh Nhất và phường Ninh Khánh.

#### **\* Tài nguyên nước**

Tài nguyên nước của thành phố bao gồm nguồn nước mặt, nước ngầm và nước mưa.

\* Nguồn nước mặt: Nguồn nước mặt chủ yếu cung cấp cho Thành phố Ninh Bình là 4 con sông: sông Đáy, sông Chanh, sông Vạc và sông Vân. Trong đó, sông Đáy và sông Vạc là hai con sông chính cung cấp nước phục vụ hoạt động sản xuất, sinh hoạt.

\* Nguồn nước ngầm: Nguồn nước ngầm của thành phố với chất lượng tương đối tốt nhưng chưa được điều tra đánh giá một cách đầy đủ. Hiện tại nước sinh hoạt và sản xuất chủ yếu sử dụng từ nguồn nước mặt.

#### **\* Tài nguyên rừng**

Diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố Ninh Bình là 78,67 ha đất rừng đặc dụng tập trung ở xã Ninh Nhất.

#### **\* Tài nguyên nhân văn**

Nằm trong vùng đất địa linh - nhân kiệt, thành phố Ninh Bình có truyền thống cách mạng đấu tranh dựng nước và giữ nước đã làm vẻ vang trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Đến nay, thành phố Ninh Bình có nhiều đổi mới trong phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội với nhiều loại hình du lịch sinh thái, nghề truyền thống được phát huy như gỗ mỹ nghệ, lái xe, thêu ren, may công nghiệp, dịch vụ khách sạn, nhà hàng; tổ chức nhiều hội nghị tư vấn nghề tại các xã, phường.... Dân cư sống tập trung đông đúc, là nơi hội tụ nhân tài, nơi sinh ra nhiều khoa bảng đã minh chứng cho vùng đất hiếu học này.

### **1.3. Cảnh quan môi trường**

Sản xuất công nghiệp và tiêu thụ công nghiệp hiện nay trên địa bàn thành phố Ninh Bình đang trên đà phát triển, do vậy đã có dấu hiệu ô nhiễm môi

trường do các hoạt động công nghiệp gây ra tuy nhiên chưa đến mức báo động. Hiện tại trên địa bàn thành phố Ninh Bình có nhà máy nhiệt điện (núi Cánh Diều) đã gây bụi, khói và được xử lý nên không ảnh hưởng lớn đến chất lượng môi trường (công nghệ sinh học). Về chất lượng nước và không khí trên địa bàn thành phố tương đối tốt so với một số địa phương trong tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên trong quá trình đô thị hóa, phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch cũng phải giải quyết các vấn đề về môi trường như ô nhiễm về rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp, ô nhiễm nguồn nước, không khí và suy thoái tài nguyên đất,...

Để phát triển bền vững và đảm bảo sức khỏe cho người dân, trong thời gian tới cần cải thiện triệt để tác động xấu của môi trường đến đời sống, đồng thời tiếp tục kiện toàn công tác quản lý nhà nước về môi trường, tăng cường kiểm tra việc chấp hành cam kết bảo vệ môi trường, đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường và phục hồi môi trường sau khai thác.

## **II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

### **2.1. Thực trạng phát triển kinh tế**

Năm 2018 dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Thành ủy, UBND thành phố đã tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội đạt được những kết quả khá toàn diện: Kinh tế được duy trì và có bước tăng trưởng khá, hạ tầng đô thị được quan tâm, tập trung đầu tư nâng cấp, diện mạo đô thị được đổi mới; công tác trật tự đô thị, vệ sinh môi trường có chuyển biến; văn hóa xã hội có tiến bộ, an sinh xã hội được quan tâm; an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, quốc phòng được tăng cường; công tác cải cách hành chính được tập trung chỉ đạo. Thành phố đã tổ chức tốt các sự kiện chính trị quan trọng và các ngày Lễ kỷ niệm của thành phố, của tỉnh.

#### ***2.1.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp***

Trong những năm gần đây, tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm mạnh tỷ trọng ngành nông nghiệp, do đó diện tích đất nông nghiệp đang ngày càng bị thu hẹp do chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 2.442 ha, giảm 115 ha so với năm trước do ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa. Diện tích lúa đạt 1.827 ha, giảm 74 ha; năng suất bình quân cả năm ước đạt 58,1 tạ/ha, tăng 7,9 tạ/ha, sản lượng lúa ước đạt 10.620 tấn (tăng 1.068 tấn so với năm 2017). Thành phố tiếp

tục triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển rau, hoa ứng dụng công nghệ cao tại xã Ninh Phúc, phường Ninh Sơn.

Công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai kịp thời, đúng kế hoạch. Đã hướng dẫn các xã, phường theo dõi và tiêm phòng đầy đủ vắc xin phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm vụ Xuân Hè, vụ Thu Đông 2018, đồng thời phun thuốc tiêu độc, khử trùng, vệ sinh chuồng trại các khu vực chăn nuôi. Trong năm, không có dịch bệnh lớn xảy ra, đàn gia súc, gia cầm ổn định và phát triển tốt.

Trong năm, UBND thành phố chỉ đạo làm tốt công tác ứng phó với diễn biến của thiên tai, bảo vệ an toàn hệ thống đê điều và tài sản của nhân dân. Thường xuyên kiểm tra các công trình đê điều và công tác chuẩn bị phương án 4 tại chỗ. Chủ động cắt tía cây xanh, khơi thông dòng chảy, nạo vét hệ thống rãnh thoát nước đảm bảo tiêu nước chống úng trong mùa mưa, bão năm 2018.

### **2.2.2. Công nghiệp - xây dựng**

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2018 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 13.555 tỷ đồng, tăng 23,1% so với năm 2017. Trong đó: Doanh nghiệp nhà nước đạt 770 tỷ đồng, tăng 8,6%; Doanh nghiệp ngoài nhà nước đạt 2.738 tỷ đồng, tăng 17,2%; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 9.577 tỷ đồng, tăng 27,6%.

### **2.2.3. Thương mại - dịch vụ**

Hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục ổn định và phát triển. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2018 ước đạt 11.450 tỷ đồng, tăng 13,1% so với năm 2017. Trong năm 2018, UBND thành phố đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 838 hộ kinh doanh cá thể, cấp đổi, cấp lại cho 174 hộ và thông báo chấm dứt kinh doanh của 37 hộ.

Tổ chức, triển khai kế hoạch chuyển đổi mô hình kinh doanh khai thác chợ trên địa bàn thành phố giai đoạn 2017 - 2020, trong đó tập trung xây dựng và triển khai phương án thí điểm tổ chức tuyến phố đi bộ kết hợp mua sắm, ẩm thực ở khu vực đường Đào Duy Từ, phường Đông Thành; phương án chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ Thanh Bình, phường Ninh Sơn. Xây dựng phương án đấu thầu các kiot tại chợ Ròng.

## **2.2. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập**

Theo số liệu thống kê năm 2018, dân số của thành phố Ninh Bình là 120.895 người, số hộ là 32.701 hộ với số lượng dân cư tập trung đông ở một số phường như Đông Thành, Phúc Thành, Ninh Sơn, Ninh Khánh. Chất lượng dân số và tuổi thọ trung bình ngày càng cao. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình

được duy trì hiệu quả, đặc biệt chú trọng công tác truyền thông giáo dục sức khỏe để nhân dân biết, phòng chống và tự chăm sóc sức khỏe.

Công tác Dân số - kế hoạch hóa gia đình được tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả. Số thôn, phố không có người sinh con thứ ba trở lên 159/183 thôn, phố, đạt 86,8%. Xây dựng và triển khai Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 16/8/2018 về thực hiện Chương trình hành động số 25-CTr/TU ngày 31/7/2018 của Thành ủy Ninh Bình thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

Công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội nâng cao đời sống nhân dân được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện. Trong 9 tháng, thành phố đã thăm hỏi, tặng 29.355 suất quà của trung ương, của tỉnh, thành phố cho các đối tượng chính sách, Mẹ Việt Nam Anh hùng, Lão thành cách mạng, gia đình liệt sỹ, hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân dịp Tết Nguyên Đán, kỷ niệm 71 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ, kỷ niệm 73 năm ngày Quốc khánh 02/9, với tổng kinh phí là 6.926,5 triệu đồng, trong đó thành phố là 9.709 suất quà, với tổng kinh phí 2.686,4 triệu đồng. Phối hợp, tổ chức thành công Lễ phát động xây dựng Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa và An sinh xã hội” thành phố Ninh Bình năm 2018, đã quyên góp, ủng hộ được 3,835 tỷ đồng. Tại buổi Lễ, thành phố đã tặng sổ tiết kiệm cho 18 đối tượng hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ có hoàn cảnh khó khăn, trị giá mỗi sổ tiết kiệm là 5 triệu đồng.

Công tác dạy nghề và hỗ trợ việc làm được quan tâm; triển khai tích cực kế hoạch dạy nghề, hỗ trợ giải quyết việc làm và kế hoạch giảm nghèo năm 2018; Xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện Đề án xuất khẩu lao động thành phố Ninh Bình và thực hiện hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

### **2.3. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn**

#### **2.3.1. Thực trạng phát triển đô thị**

Thành phố Ninh Bình được công nhận trở thành đô thị loại II (ngày 30/6/2014), hiện có 11 phường và 3 xã. Trên cơ sở đó đã tập trung xây dựng quy hoạch chi tiết các xã, phường, các khu đô thị mới và các khu chức năng. Phối hợp với các sở, ngành tham mưu cho Tỉnh lập Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tháng 7 năm 2014. Thực hiện tốt Đề án đặt, đổi tên đường phố, gắn biển số nhà; xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm, vi phạm quy hoạch. Sự tập

trung đầu tư của Thành phố cùng với xã hội hóa, huy động sự đóng góp của nhân dân, doanh nghiệp, đã tạo ra sự thay đổi đáng kể về cơ sở hạ tầng đô thị: đường giao thông, hệ thống cấp nước sinh hoạt, thoát nước đô thị, thiết chế văn hóa và các công trình công cộng khác

Ưu tiên phát triển một số công trình lớn nhằm tạo điểm nhấn về phát triển đô thị như: Dự án kè bờ Đông sông Vân, cải tạo hồ Máy Xay, hồ Biển Bạch, cầu Chà Là, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường nội thành, xây dựng công viên cây xanh đầu cầu Non Nước. Đầu tư hệ thống đèn chiếu sáng, đèn trang trí đô thị, góp phần làm cho diện mạo đô thị ngày càng sáng, xanh, sạch, đẹp. Tập trung chỉ đạo cải tạo, nâng cấp hệ thống cung cấp nước máy cho các khu dân cư, tỷ lệ hộ gia đình được dùng nước máy trên địa bàn đạt 86%, hạ tầng kỹ thuật được quan tâm đầu tư xây dựng và nâng cấp, chất lượng cuộc sống của người dân đô thị được nâng lên... Đồng thời, thu hút nhiều lao động dẫn đến dân số ngày càng tăng nhanh, mật độ và quy mô dân số tập trung tại các đô thị ngày càng lớn, xuất phát từ nhu cầu thực tế của người dân trong việc thuận tiện cho sinh hoạt và nơi làm việc thì việc hình thành mới các khu đô thị là điều không thể tránh khỏi. Người dân có sự lựa chọn nhiều hơn cho ngành nghề của mình, thu nhập bình quân trên đầu người tăng, đời sống của nhân dân được nâng cao.

### ***2.3.2. Thực trạng phát triển các khu dân cư nông thôn***

Thành phố Ninh Bình hiện có 3 xã (Ninh Tiến, Ninh Nhất, Ninh Phúc) được hình thành với các khu dân cư tập trung, truyền thống theo thôn, xóm. Cơ sở hạ tầng của khu dân cư nông thôn trong những năm qua đã và đang được quan tâm đầu tư xây dựng, hệ thống điện, đường, trường, trạm tại các khu dân cư từng bước được hoàn thiện làm thay đổi diện mạo của nông thôn, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện. Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng nông thôn nhìn chung ở mức thấp, thiếu đồng bộ, nhất là hệ thống cấp thoát nước, giao thông và vấn đề xử lý nước thải bảo vệ môi trường khu dân cư nông thôn.

## **2.4. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng**

### ***2.4.1. Giao thông***

\* *Giao thông đường bộ:*

- Tuyến quốc lộ:

+ Quốc lộ 1A đi qua thành phố Ninh Bình chạy xuyên suốt từ Bắc xuống Nam, đảm nhận vai trò chính về giao thông. Chiều dài đoạn tuyến qua thành phố



Ninh Bình có 9,4 km, chiều rộng nền đường từ 15 - 30m, rộng mặt đường từ 12-15m, mặt đường được trải nhựa chất lượng tốt.

+ Quốc lộ 10 đi qua thành phố Ninh Bình (nối từ tỉnh Nam Định đi huyện Kim Sơn) với chiều dài tuyến 5,55km, chiều rộng nền đường từ 9 - 12m, rộng mặt đường từ 7 - 9m, mặt đường được trải nhựa chất lượng tốt.

- Tuyến giao thông nội thị: Trong những năm qua thành phố đang hoàn thiện dần hệ thống giao thông nội thị. Hiện đường chính đô thị có tổng chiều dài khoảng 120km; đường khu vực đô thị có tổng chiều dài 70 km có chất lượng tốt.

- Ngoài ra các công trình phục vụ như: Hệ thống điểm đỗ xe nội thị, hệ thống cung cấp đăng kiểm, bảo dưỡng, hệ thống công trình tổ chức và đảm bảo an toàn giao thông nhưng chưa hoàn chỉnh.

Để giảm lưu lượng các phương tiện xe cơ giới ngoại tỉnh tham gia giao thông đi qua thành phố Ninh Bình theo hướng xanh sạch đẹp, thành phố du lịch, thành phố Ninh Bình đã và đang hình thành các tuyến đường tránh quốc lộ như đường vành đai II, vành Đai III, vành đai IV đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

*\* Giao thông đường sắt:*

- Tuyến đường sắt: Toàn tuyến đường sắt qua thành phố dài 5,5km, chạy từ phía Đông thành phố nối sang Nam Định qua sông Đáy. Khổ đường rộng 1,2m, lưu lượng 18-20 đôi tàu/ngày, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hóa, dịch vụ thương mại.

- Ga đường sắt: Hiện thành phố Ninh Bình có 1 nhà ga đường sắt ở vị trí trung tâm của thành phố, chủ yếu phục vụ vận chuyển hành khách là chính.

*\* Giao thông đường thủy:*

Thành phố Ninh Bình hiện có Sông Đáy là tuyến giao thông thủy lớn và quan trọng, chạy dọc theo hướng Đông Bắc thành phố, là nơi tiếp giáp địa giới hành chính giữa tỉnh Ninh Bình với tỉnh Nam Định. Độ sâu của mực nước trung bình 1,4 - 3,0m, cho phép xà lan tải trọng 300 - 400 tấn lưu thông.

*\* Hệ thống cảng:*

Trên địa bàn thành phố Ninh Bình, dọc trên đoạn tuyến Sông Đáy có 1 cảng chính và 1 bến tàu. Bến tàu thuộc khu vực ngã ba giữa sông Đáy và sông Vân, khối lượng phục vụ và khả năng đáp ứng thấp. Thành phố có cảng nội địa Ninh Phúc thuộc hệ thống cảng quốc gia, được xây dựng tại phía Đông của

thành phố kết hợp khu vực công nghiệp. Công suất hiện tại 0,5 triệu tấn/năm, dự kiến nâng lên 2 triệu tấn/năm vào năm 2020.

#### **2.4.2. Thủy lợi**

Nâng cao hiệu quả khai thác các hệ thống thủy lợi hiện có phục vụ đa mục tiêu là giải pháp nhanh và kinh tế nhất phục vụ chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp và phát triển công nghiệp, làng nghề... Tổ chức tốt công tác quản lý và phân phối nước trên toàn hệ thống thủy lợi là công đoạn quyết định đến hiệu quả khai thác của hệ thống, từng bước đưa hệ thống điều hành hiện đại để nâng cao chất lượng quản lý và phân phối nước trên hệ thống thủy lợi của thành phố. Hiện thành phố có một hệ thống kênh mương cứng hoá khá hoàn chỉnh, đáp ứng cơ bản việc tưới tiêu cho đại bộ phận diện tích đất canh tác và thoát nước kịp thời khi mùa mưa đến.

Hệ thống thủy lợi nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp dần được củng cố, hoàn thiện, nhiều tuyến kênh mương chính đã được kiên cố hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp. Các tuyến mương được nạo, vét thường xuyên, khơi thông dòng chảy góp phần quan trọng cho quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phục vụ phát triển kinh tế. Việc xây dựng và triển khai phương án phòng chống lụt bão trên địa bàn thành phố thường xuyên được quan tâm đầu tư, nâng cấp, cải tạo các tuyến đê, phối hợp với các cấp, ngành tổ chức kiểm tra công tác chuẩn bị phương án phòng chống lụt bão ở cơ sở để có biện pháp chủ động đối phó kịp thời.

Về cấp thoát nước:

+ Cấp nước: Hiện thành phố Ninh Bình có nhà máy nước Ninh Bình (nhà máy nước sạch Thành Nam) là trạm cung cấp nước sạch với công suất 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm mới đủ đáp ứng cho khoảng 95% dân số hiện tại. Tình trạng sử dụng nước sinh hoạt được lấy từ nước mưa, giếng khoan vẫn còn ở một số hộ gia đình. Để đáp ứng nhu cầu 100% dân số hiện tại và dân số của thành phố mở rộng trong tương lai thì việc nâng công suất nhà máy hiện có hoặc xây dựng thêm nhà máy cung cấp nước sạch ở phía Bắc thành phố là cần thiết.

+ Thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa và nước sinh hoạt hiện vẫn sử dụng chung nên còn nhiều hạn chế. Trên địa bàn thành phố có trên 40.000m cống và rãnh thoát nước kết hợp với các trạm bơm tiêu thủy lợi (Trạm bơm Bạch Cờ; Trạm bơm Phúc Chính; trạm bơm Nam thành Phố; trạm bơm chống úng nhà máy điện Ninh Bình; Trạm bơm Ninh Phong) và các kênh tiêu nước (Kênh Đô Thiên; Kênh Quyết Thắng đổ về Sông Vân; Kênh Bích Đào...)

### **2.4.3. Thông tin liên lạc**

Mạng lưới bưu chính, viễn thông ngày càng được hiện đại hóa với kỹ thuật tiên tiến đã đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của thành phố. Toàn thành phố có 1 Bưu cục Trung tâm và 14 phường, xã đều có điểm bưu điện văn hóa được đầu tư xây dựng kiên cố và hoạt động có hiệu quả.

### **2.4.4. Hệ thống điện**

Nguồn cung cấp điện năng cho thành phố hiện nay là từ hệ thống điện quốc gia qua 2 nguồn điện chính: từ nhà máy nhiệt điện Ninh Bình (A37) và cấp từ trạm 220KV Ninh Bình (E23.1). Hiện nay, các thiết bị của nhà máy này đã quá cũ, công suất phát điện chỉ đạt 70% công suất lắp đặt của nhà máy. Đồng thời nhà máy này đang nằm trong khu dân cư nên gây ô nhiễm không khí và nguồn nước ở khu vực xung quanh. Chính vì vậy trong tương lai nếu phương án xử lý môi trường không đạt yêu cầu sẽ có phương án di chuyển nhà máy nhiệt điện này. Ngoài ra thì có các trạm biến áp 110/220KV, trạm 220/110/10KV. Điện áp 10KV đang cấp điện cho phụ tải thành phố, do điện áp 10KV không có điều áp dưới tải do vậy chất lượng điện áp không ổn định. Hệ thống lưới điện của thành phố Ninh Bình gồm có:

- Đường dây điện 220 KV bao gồm: Tuyến Hoà Bình - Ninh Bình; Tuyến Hà Đông - Ninh Bình.

- Đường dây điện 110 KV bao gồm: Tuyến Ninh Bình - Phủ Lý; tuyến Ninh Bình -Trình Xuyên; Tuyến Ninh Bình đến trạm tăng áp nhà máy điện Ninh Bình; Tuyến Ninh Bình - Bút Sơn; Tuyến Ninh Bình - Nho Quan; tuyến từ trạm tăng áp nhà máy điện Ninh Bình đi - Hà Trung - đi Bỉm Sơn.

- Đường dây điện 35KV bao gồm: Tuyến chạy theo tỉnh lộ 371 cấp cho T.P Ninh Bình và huyện Hoa Lư; tuyến chạy theo tỉnh lộ 373 cấp điện cho huyện Nho Quan và huyện Gia Viễn; tuyến chạy theo tỉnh lộ 372 cấp cho huyện Yên Mô và Tp. Tam Điệp; tuyến chạy dọc theo tỉnh lộ 374 cấp cho Kim Sơn và Yên Khánh; tuyến chạy dọc theo tỉnh lộ 376 cấp điện cho tỉnh Nam Định.

- Ngoài ra trên địa bàn thành Phố còn có: Lưới điện 10KV với tổng chiều dài trên 100km cấp điện cho trên 100 trạm biến áp 10/0,4KV; Lưới hạ áp nối chung với hệ thống trung áp và hệ thống lưới chiếu sáng tương đối hoàn chỉnh ở những trục đường chính đến tận xã phường.

#### **2.4.5. Giáo dục - đào tạo**

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo luôn được quan tâm, chỉ đạo sâu sát, chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên, cơ sở vật chất trường học được đầu tư thường xuyên; công tác xây dựng và duy trì trường chuẩn quốc gia đạt kết quả nổi bật.

Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2017 - 2018. Tỷ lệ hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 100%, học sinh THCS lên lớp đạt 98,42%, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99,47%; xây dựng và triển khai Kế hoạch tuyển sinh đầu cấp, đồng thời kiểm tra, rà soát thực trạng cơ sở vật chất các trường học phục vụ năm học 2018 - 2019. Công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, xây dựng trường chuẩn quốc gia tiếp tục được quan tâm và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả ; kiểm tra, chấn chỉnh các trường học, cơ sở mầm non tư thục trên địa bàn thành phố. Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố được UBND tỉnh tặng cờ thi đua xuất sắc dẫn đầu ngành trong thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018, tiếp tục được Sở Giáo dục và Đào tạo tặng cờ Đơn vị xếp thứ Nhất công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.

#### **2.4.6. Y tế**

Hiện tại trên địa bàn thành phố có 7 bệnh viện, 03 trung tâm, 01 phòng khám và 14 trạm y tế xã, phường. Tổng diện tích đất cho hoạt động ngành Y tế là 31,86 ha. Công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhân dân được quan tâm với 6/14 xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020; giám sát, phát hiện kịp thời, không để dịch bệnh lớn xảy ra.

Công tác y tế dự phòng, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân được quan tâm chỉ đạo; chủ động giám sát dịch bệnh theo mùa và triển khai các biện pháp phòng chống, không để xảy ra dịch bệnh lớn trên địa bàn. Công tác quản lý hành nghề y dược tư nhân và vệ sinh an toàn thực phẩm được chỉ đạo chặt chẽ. Xây dựng và triển khai kế hoạch Tháng hành động vì chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, kế hoạch kiểm tra chuyên ngành, liên ngành về an toàn thực phẩm . Hiện nay 13/14 xã, phường của thành phố đạt tiêu chí quốc gia về Y tế xã giai đoạn 2011 - 2020, đang tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí để đề nghị xét chuẩn quốc gia về y tế xã đối với phường Thanh Bình.

#### **2.4.7. Quốc phòng, an ninh**

Tình hình an ninh trên địa bàn được giữ vững và ổn định, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được đảm bảo. Công an thành phố đã triển khai nhiều kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự. Xây dựng và triển khai Kế hoạch số 64/KH-

UBND ngày 16/5/2018 về thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND của UBND tỉnh và tổ chức ký kết kế hoạch phối hợp về tăng cường thực hiện các giải pháp giảm người nghiện ma túy ngoài xã hội trên địa bàn thành phố Ninh Bình năm 2018; Chương trình hành động 124/CTHĐ-UBND của UBND tỉnh về tăng cường công tác quản lý giáo dục thanh thiếu niên hư, chậm tiến có nguy cơ vi phạm pháp luật. Phát huy hiệu quả hoạt động của các phong trào “Tổ nhân dân tự quản về ANTT” với mô hình “Tổ dân phố, thôn an toàn”; xây dựng mô hình “nhóm tự quản về TTĐT-VSMT”. Xây dựng kế hoạch về tăng cường công tác quản lý nhà cho thuê trọ trên địa bàn thành phố; xây dựng và thành lập mới mô hình “Camera an ninh” tại một số phường.

Lực lượng vũ trang thành phố duy trì nghiêm các chế độ trực, đặc biệt trực sẵn sàng chiến đấu trong các dịp Lễ, Tết, các sự kiện chính trị quan trọng; tổ chức Lễ giao, nhận quân năm 2018, đảm bảo hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân. Chỉ đạo và hướng dẫn các xã, phường Bích Đào, Ninh Phong, Ninh Sơn, Ninh Phúc chuẩn bị tốt và tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2018; hiệp đồng với các đơn vị về nhiệm vụ phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Xây dựng kế hoạch, tổ chức hiệp đồng với các lực lượng tham gia huấn luyện và thực hành thực binh, bảo đảm an ninh, an toàn các địa điểm phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2018. Tổ chức phúc tra, bàn giao quân nhân dự bị huấn luyện năm 2018; triển khai kế hoạch rà soát nguồn sẵn sàng nhập ngũ và công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2019.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG**

#### **3.1. Những thuận lợi cơ bản**

- Thành phố Ninh Bình là đầu mối trung tâm chính trị - kinh tế của tỉnh, có sức thu hút lớn các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; nằm trong tuyến hành lang kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và tuyến kinh tế trọng điểm phía Đông - Bắc của tỉnh Ninh Bình. Hình thành các trục, tuyến giao thông lớn nối liền thành phố Ninh Bình tới các trung tâm địa phương khác trong tỉnh và liên tỉnh.

- Có điều kiện để đầu tư, phát triển giao thông đường thủy, bến cảng trung chuyển hàng hoá, phát huy lợi thế của tuyến sông Đáy với cụm cảng Ninh Bình - Ninh Phúc với công suất 3.000 tấn/năm, đón được tàu từ 1000 - 3000 tấn (sông Đáy) nằm trong quy hoạch chi tiết hệ thống cảng đường thủy nội địa khu vực phía Bắc (Quyết định số 1112/QĐ-BGTVT ngày 26/4/2013).

- Với nhiều di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh, đồng thời cũng là điểm trung chuyển tới các khu du lịch nổi tiếng Tam Cốc - Bích Động; quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO ghi danh là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới; chùa Bái Đính... là điều kiện thuận lợi cho thành phố Ninh Bình có nhiều tiềm năng phát triển du lịch, dịch vụ, thương mại.

- Cơ sở hạ tầng được đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội... đã góp phần thay đổi diện mạo, đáp ứng yêu cầu của đô thị loại II, thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hoá, phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững.

- An ninh chính trị trên địa bàn thành phố ổn định, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, cải cách thủ tục hành chính... là điều kiện thuận lợi, mời gọi các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài vào đầu tư.

### **3.2. Những khó khăn và thách thức**

- Kinh tế tăng trưởng nhưng chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế để tạo sự phát triển đột phá, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và các sản phẩm địa phương còn hạn chế. Thu hút đầu tư tuy bước đầu đạt kết quả tốt, song vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, chưa phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của thành phố, nhất là thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp sạch và dịch vụ du lịch...

- Hạ tầng đô thị đã được đầu tư song còn chưa đồng bộ do chưa bố trí được nguồn vốn. Các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị để nâng cấp 3 xã thành phường chưa hoàn thiện. Tình trạng gây ô nhiễm môi trường của một số cơ sở sản xuất chưa được đưa ra khỏi khu vực nội thành.

- Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động (nhất là ở nơi thu hồi đất nông nghiệp để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án) gặp nhiều khó khăn, hiệu quả chưa cao. Nhu cầu đất đai cho phát triển các ngành và mở rộng đô thị gây áp lực không nhỏ đến sử dụng đất, phân bổ đất đai hợp lý, hiệu quả.

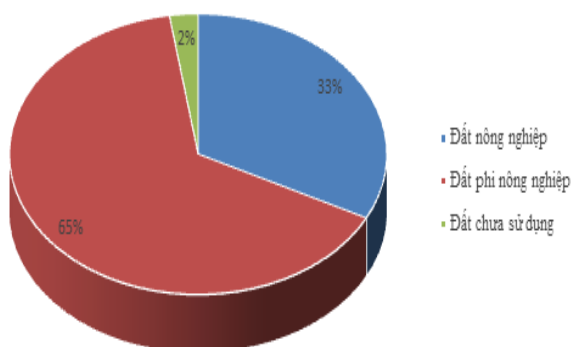
- Công tác quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng cơ bản, trật tự đô thị và vệ sinh môi trường còn nhiều hạn chế. Quy hoạch chi tiết của thành phố chưa ổn định, liên tục có sự điều chỉnh.

## PHẦN II

### KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018

#### I. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018

Cơ sở xác định hiện trạng sử dụng đất năm 2018 thành phố Ninh Bình là từ số liệu thống kê đất đai tính đến ngày 31/12/2017 là số liệu gốc, lập bảng chuyển các loại đất chuyên mục đích sử dụng từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2018 để ra được hiện trạng sử dụng đất đến 31/12/2018. Cụ thể:



Tổng diện tích tự nhiên toàn thành phố đến 31/12/2018 là 4.674,91 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 1.520,71 ha, chiếm 32,53% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp: 3.040,06 ha, chiếm 65,03% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng: 114,14 ha, chiếm 2,44% tổng diện tích tự nhiên;

#### 1.1. Đất nông nghiệp

- Đất trồng lúa: Đến 31/12/2018, đất trồng lúa có diện tích là 930,64 ha, chiếm 61,20% tổng diện tích đất nông nghiệp, nhiều nhất tại phường Ninh Phong, xã Ninh Tiến, xã Ninh Nhất.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Đến 31/12/2018, đất trồng cây hàng năm khác có diện tích là 296,77 ha, chiếm 19,52% tổng diện tích đất nông nghiệp, phân bố nhiều tại xã Ninh Phúc và phường Ninh Sơn.

- Đất trồng cây lâu năm: Đến 31/12/2018, đất trồng cây lâu năm có diện tích là 110,35 ha, chiếm 7,26% tổng diện tích đất nông nghiệp, tập trung chủ yếu tại các xã Ninh Nhất, Ninh Phúc, Ninh Tiến.

- Đất rừng đặc dụng: Đến 31/12/2018, đất rừng đặc dụng có diện tích là 78,67 ha, chiếm 5,17% tổng diện tích đất nông nghiệp, tập trung toàn bộ tại xã Ninh Nhất.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Đến 31/12/2018, đất nuôi trồng thủy sản có diện tích là 101,01 ha, chiếm 6,64% tổng diện tích đất nông nghiệp, phân bố chủ yếu tại xã Ninh Nhất, phường Ninh Phong và phường Ninh Phúc.

- Đất nông nghiệp khác: Đến 31/12/2018, đất nông nghiệp khác có diện tích là 3,26 ha, chiếm 0,21% tổng diện tích đất nông nghiệp.

## **1.2. Đất phi nông nghiệp**

- Đất quốc phòng: Đến 31/12/2018, đất quốc phòng có diện tích là 29,33 ha, chiếm 0,96% tổng diện tích đất phi nông nghiệp, tập trung nhiều trên địa bàn phường Phúc Thành, phường Ninh Sơn và phường Bích Đào. Việc sử dụng đất quốc phòng đã tuân thủ quy định nhằm sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả đảm bảo tính cơ động, kịp thời.

- Đất an ninh: Đến 31/12/2018, đất an ninh có diện tích là 11,50 ha, chiếm 0,38% tổng diện tích đất phi nông nghiệp tập trung nhiều tại Phường Đông Thành và xã Ninh Nhất.

- Đất khu công nghiệp: Đến 31/12/2018, đất khu công nghiệp có diện tích là 219,45 ha, chiếm 7,22% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất cụm công nghiệp: Đến 31/12/2018, đất cụm công nghiệp có diện tích là 23,79 ha, chiếm 0,78% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất thương mại, dịch vụ: Đến 31/12/2018, đất thương mại, dịch vụ có diện tích là 115,80 ha, chiếm 3,81% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Đến 31/12/2018, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có diện tích là 86,23 ha, chiếm 2,84% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất phát triển hạ tầng: Đến 31/12/2018, đất phát triển hạ tầng có diện tích là 1.262,97 ha, chiếm 41,54% tổng diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

+ Đất giao thông: Đến 31/12/2018, đất giao thông có diện tích là 839,75 ha, chiếm 66,49% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất thủy lợi: Đất thủy lợi trên địa bàn thành phố gồm các hệ thống kênh tưới, tiêu, hệ thống công, đê, trạm bơm. Đến 31/12/2018, đất thủy lợi có diện tích là 154,59 ha, chiếm 12,24% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất công trình năng lượng: Đến 31/12/2018, đất công trình năng lượng có diện tích là 24,80 ha, chiếm 1,96% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng. Đất này chủ yếu là để xây dựng hệ thống tải điện, hệ thống mạng truyền thông...

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: Đến 31/12/2018, đất công trình bưu chính có diện tích là 1,45 ha, chiếm 0,11% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất cơ sở văn hóa: Đến 31/12/2018, đất cơ sở văn hóa có diện tích là 70,23 ha, chiếm 5,56% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.



+ Đất cơ sở y tế: Đến 31/12/2018, đất cơ sở y tế có diện tích là 32,07 ha, chiếm 2,54% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng, bao gồm diện tích xây dựng các trạm y tế phường, xã.

+ Đất cơ sở giáo dục đào tạo: bao gồm diện tích khuôn viên các trường mầm non, tiểu học, trung học... Đến 31/12/2018, đất cơ sở giáo dục đào tạo có diện tích là 106,45 ha, chiếm 8,43% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất cơ sở thể dục thể thao: bao gồm các sân vận động, sân thể dục thể thao của thành phố, các phường, xã. Đến 31/12/2018, đất cơ sở thể dục thể thao có diện tích là 26,61 ha, chiếm 2,11% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất dịch vụ xã hội: Đến 31/12/2018, đất dịch vụ xã hội có diện tích là 0,69 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất chợ: bao gồm diện tích các chợ trên địa bàn thành phố. Đến 31/12/2018, đất chợ có diện tích là 4,93 ha, chiếm 0,39% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: Đến 31/12/2018, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác có diện tích là 0,18 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất công trình công cộng khác: Đến 31/12/2018, đất công trình công cộng khác có diện tích là 1,22 ha, chiếm 0,10% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

- Đất danh lam thắng cảnh: Đến 31/12/2018, đất danh lam thắng cảnh có diện tích là 12,82 ha, chiếm 0,42% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích này dùng để chứa và xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp. Với yêu cầu phát triển của sản xuất, trong giai đoạn tới cần bổ sung diện tích loại đất này nhằm đảm bảo việc xử lý rác thải ngày càng nhiều tại các cơ sở sản xuất tập trung, các khu dịch vụ... Đến 31/12/2018, đất bãi thải, xử lý chất thải có diện tích là 11,56 ha, chiếm 0,38% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất ở tại nông thôn: Đến 31/12/2018, đất ở tại nông thôn có diện tích là 220,29 ha, chiếm 7,25% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất ở tại đô thị: Đến 31/12/2018, đất ở tại đô thị có diện tích là 625,41 ha, chiếm 20,57% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Đến 31/12/2018, đất xây dựng trụ sở cơ quan có diện tích là 46,74 ha, chiếm 1,54% tổng diện tích đất phi nông nghiệp

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Đến 31/12/2018, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp có diện tích là 6,50 ha, chiếm 0,21% tổng diện tích đất phi nông nghiệp

- Đất cơ sở tôn giáo: Đến 31/12/2018, đất cơ sở tôn giáo có diện tích là 12,02 ha, chiếm 0,40% tổng diện tích đất phi nông nghiệp, gồm diện tích các chùa, nhà thờ, thánh thất...

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Đến 31/12/2018, đất nghĩa trang, nghĩa địa có diện tích là 63,27 ha, chiếm 2,08% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Đến 31/12/2018, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có diện tích là 1,41 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Đến 31/12/2018, đất sinh hoạt cộng đồng có diện tích là 8,41 ha, chiếm 0,28% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Đến 31/12/2018, đất khu vui chơi, giải trí công cộng có diện tích là 42,45 ha, chiếm 1,40% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Đến 31/12/2018, đất cơ sở tín ngưỡng có diện tích là 8,24 ha chiếm 0,27% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Đến 31/12/2018, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối có diện tích là 158,23 ha, chiếm 5,20% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Đến 31/12/2018, đất có mặt nước chuyên dùng có diện tích là 73,65 ha, chiếm 2,42% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

### **1.3. Đất chưa sử dụng**

Đến 31/12/2018 đất chưa sử dụng trên địa bàn thành phố Ninh Bình còn 114,14 ha, chiếm 2,44% tổng diện tích tự nhiên.

## **II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

Trong năm 2018, thành phố Ninh Bình đã thực hiện được 37/128 dự án với diện tích 75,70 ha/306,09 ha (*đạt tỷ lệ 25% về diện tích*) theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2018 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình phê duyệt. Danh mục các công trình dự án đã thực hiện năm 2018 theo bảng sau:

Bảng 1. Danh mục các dự án đã thực hiện năm 2018

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Công an phường Nam Bình	0,27	Phường Nam Bình
2	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự thành phố	2,00	Xã Ninh Nhất
3	Xây dựng khu sản xuất và kinh doanh đồ thủ công mỹ nghệ	0,80	Phường Ninh Phong
4	Cơ sở nuôi trồng và chế biến nấm	3,70	Xã Ninh Tiến
5	Trạm dừng nghỉ cao tốc Tây Ninh Bình	5,00	Xã Ninh Phúc
6	Đấu giá đất thương mại dịch vụ	0,68	Phường Nam Thành
7	ĐZ 110KV Phúc Sơn	0,01	Phường Ninh Sơn
8	Mở rộng đường Đinh Tất Miễn	0,09	Phường Đông Thành
9	Đất giao thông trong Khu dân cư phía Nam trụ sở UBND phường (Bắc Phong 1)	4,10	Phường Nam Bình
10	Đất giao thông trong khu dân cư mới phía Tây đường vành đai phường Ninh Sơn - xã Ninh Phúc	4,49	Phường Ninh Sơn; xã Ninh Phúc
11	Đất giao thông trong Khu dân cư đường 2, Phú Xuân	1,08	Phường Nam Bình
12	Đường giao thông trong khu đô thị Phong Sơn (bổ sung)	0,02	Phường Nam Bình
13	Trường mầm non tư thục Mai Thế Hệ	0,13	Phường Phúc Thành
14	Trường mầm non tư thục Sao Mai	0,06	Phường Ninh Phong
15	Trường mầm non sao Khuê	0,50	Phường Nam Thành
16	Trường mầm non trong khu dân cư mới phía Tây đường vành đai phường Ninh Sơn - xã Ninh Phúc	0,34	Phường Ninh Sơn
17	Xây dựng khu thể thao và vui chơi giải trí	1,13	Phường Bích Đào
18	Khu dân cư mới phía Tây đường vành đai phường Ninh Sơn - xã Ninh Phúc	0,92	Xã Ninh Phúc
19	Khu DC mới phía Đông đường Nguyễn Hữu An	11,00	Xã Ninh Tiến
20	Khu dân cư phố Trung Sơn (khu TĐC đường Phạm Thận Duật)	0,11	Phường Bích Đào
21	Khép kín KDC phố Bình Yên Tây	0,03	Phường Ninh Khánh
22	Đất ở trong khu dân cư đường 2, Phú Xuân	0,68	Phường Nam Bình
23	Đất ở trong khu dân cư phía Nam trụ sở UBND phường (Bắc Phong 1)	4,63	Phường Nam Bình
24	Khu đô thị Ninh Khánh	26,70	Phường Ninh Khánh
25	Chuyển mục đích sử dụng đất xen kẹt trong khu dân cư	0,80	Các phường

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm
26	Đất ở trong khu dân cư mới phía Tây đường vành đai phường Ninh Sơn - xã Ninh Phúc	4,06	Phường Ninh Sơn
27	Trụ sở làm việc của Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	0,56	Xã Ninh Nhất
28	Nhà thờ giáo họ thôn Cổ Loan Hạ 1	0,23	Xã Ninh Tiến
29	Đất tôn giáo trong Khu dân cư đường 2, Phú Xuân	0,01	Phường Nam Bình
30	Nhà văn hóa trong khu DC Bắc Phong	0,083	Phường Nam Bình
31	Nhà văn hóa Bích Đào	0,14	Phường Ninh Sơn
32	Nhà văn hóa trong Khu dân cư phố Trung Sơn (khu TĐC đường Phạm Thận Duật)	0,10	Phường Bích Đào
33	Nhà văn hóa phố Bắc Sơn	0,01	Phường Thanh Bình
34	Nhà văn hóa trong khu dân cư mới phía Tây đường vành đai phường Ninh Sơn - xã Ninh Phúc	0,13	Phường Ninh Sơn
35	Công viên cây xanh trong khu dân cư đường 2, Phú Xuân	0,38	Phường Nam Bình
36	Đất cây xanh trong Khu dân cư phía Nam trụ sở UBND phường (Bắc Phong 1)	0,107	Phường Nam Bình
37	Công viên cây xanh trong khu dân cư mới phía Tây đường vành đai phường Ninh Sơn - xã Ninh Phúc	0,62	Phường Ninh Sơn
	<b>Tổng</b>	<b>75,70</b>	

## 2.1. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp của thành phố được duyệt năm 2018 là 1.313,99 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2018 là 1.520,71 ha, tăng 206,72 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất nông nghiệp chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp là 253,67 ha. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng 42,50 ha, còn 211,17 ha chưa thực hiện, đạt tỷ lệ 16,75%.

Cụ thể các chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

### \* Đất trồng lúa:

Diện tích đất trồng lúa của thành phố được duyệt năm 2018 là 753,59 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 930,64 ha, tăng 177,05 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất trồng lúa chuyển mục

đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp là 213,92 ha. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng 36,47 ha, còn 177,45 ha chưa thực hiện, đạt tỷ lệ 17,05%.

*\* Đất trồng cây hàng năm khác:*

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác của thành phố được duyệt năm 2018 là 281,76 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 296,77 ha, tăng 15,01 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất trồng cây hàng năm khác chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp là 23,52 ha. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng 4,11 ha, còn 19,41 ha chưa thực hiện, đạt tỷ lệ 17,48%.

*\* Đất trồng cây lâu năm:*

Diện tích đất trồng cây lâu năm của thành phố được duyệt năm 2018 là 108,22 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 110,35 ha, tăng 2,14 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất trồng cây lâu năm chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp là 2,72 ha. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng 0,24 ha, đạt tỷ lệ 8,83%.

*\* Đất rừng đặc dụng:*

Đất rừng đặc dụng theo kế hoạch được duyệt năm 2018 không có biến động. Diện tích đất rừng đặc dụng của thành phố đến hết 31/12/2018 là 78,67 ha.

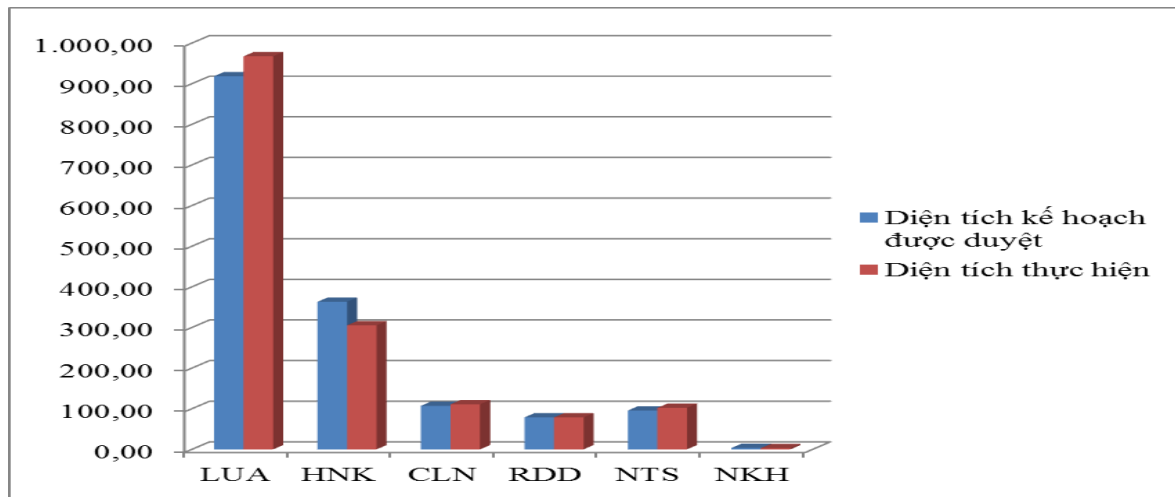
*\* Đất nuôi trồng thủy sản:*

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản của thành phố được duyệt năm 2018 là 88,70 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 101,01 ha, tăng 12,31 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất nuôi trồng thủy sản chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp là 13,51 ha. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng 1,68 ha, còn 11,83 ha chưa thực hiện, đạt tỷ lệ 12,44%.

*\* Đất nông nghiệp khác:*

Diện tích đất nông nghiệp khác của thành phố được duyệt năm 2018 là 3,06 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 3,26 ha, tăng 0,20 ha so với kế hoạch được duyệt.



**Hình 2. So sánh kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp năm 2018 với kế hoạch được duyệt**

## 2.2. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp của thành phố được duyệt năm 2018 là 3.246,16 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 3.040,06 ha, giảm 206,10 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất phi nông nghiệp tăng 257,21 ha. Kết quả thực hiện 43,03 ha, còn 214,18 ha chưa thực hiện, đạt tỷ lệ 16,73%.

Cụ thể các chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

### \* Đất quốc phòng:

Diện tích đất quốc phòng của thành phố được duyệt năm 2018 là 29,33 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 29,33 ha, đạt 100% kế hoạch được duyệt.

### \* Đất an ninh:

Diện tích đất an ninh của thành phố được duyệt năm 2018 là 11,50 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 11,50 ha, đạt 100% kế hoạch được duyệt.

### \* Đất khu công nghiệp:

Diện tích đất khu công nghiệp của thành phố được duyệt năm 2018 là 212,60 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 219,45 ha, tăng 6,85 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất khu công nghiệp tăng 1,14 ha. Kết quả chưa thực hiện được chỉ tiêu này.

- Dự án chưa thực hiện, chuyển tiếp năm 2019: Khu công nghiệp Phúc Sơn (bổ sung).

*\* Đất cụm công nghiệp:*

Diện tích đất cụm công nghiệp của thành phố được duyệt năm 2018 là 23,79 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 23,79 ha, đạt 100% kế hoạch được duyệt.

*\* Đất thương mại, dịch vụ*

Diện tích đất thương mại, dịch vụ của thành phố được duyệt năm 2018 là 129,31 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 115,80 ha, giảm 13,51 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất thương mại, dịch vụ tăng 30,36 ha. Kết quả chưa thực hiện được chỉ tiêu này.

Đồng thời, theo kế hoạch được duyệt đất thương mại, dịch vụ giảm 0,09 ha. Kết quả đã thực hiện được 0,09 ha, đạt 100% kế hoạch được duyệt.

*Cụ thể:*

- Các dự án chưa thực hiện được trong năm 2018, chuyển tiếp sang năm 2019 là: Đất thương mại dịch vụ, hỗn hợp trong Khu đô thị mới phía Bắc tiểu khu IX, xã Ninh Nhất; Đất thương mại dịch vụ trong khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Minh Không; C.Ty XD Thăng Long 16; Cửa hàng trưng bày sản phẩm và hàng tiêu dùng; Dự án đầu tư xây dựng khu điều dưỡng, phục hồi chức năng và chăm sóc sức khỏe tuổi già của Công ty TNHH xây dựng thủy lợi Mạnh Hùng; Cửa hàng xăng dầu thôn Phúc Trung; Cửa hàng xăng dầu thôn Đào Công; Cửa hàng xăng dầu; Trung tâm dịch vụ vườn bia Hà Nội; Trạm dừng nghỉ cao tốc Đông Ninh Bình; Trạm dừng nghỉ cao tốc Tây Ninh Bình; Đấu giá đất xây dựng Siêu thị hạng 3; Đầu tư xây dựng nhà ăn uống và dịch vụ hỗ trợ vận tải; Trung tâm thương mại cứu hộ GT và dịch vụ hỗ trợ vận tải (Quang Dũng); Showroom ô tô 3s của công ty Phúc Minh Thảo; Xây dựng trung tâm máy - thiết bị phục vụ nông - công nghiệp của công ty Khang Tuệ; Showroom ô tô, xe máy công ty Vinh Thủy; Đấu giá đất thương mại dịch vụ ở 2 phường Thanh Bình, Nam Bình.

*\* Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của thành phố được duyệt năm 2018 là 86,44 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 86,23 ha, giảm 0,21 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng 4,58 ha. Kết quả chưa thực hiện được chỉ tiêu này.

- Các dự án chưa thực hiện được trong năm 2018, chuyển tiếp sang năm 2019 là: Xưởng gia công cơ khí và sản xuất cấu kiện thép (Thanh Toàn).

*\* Đất phát triển hạ tầng*

Diện tích đất phát triển hạ tầng của thành phố được duyệt năm 2018 là 1.261,20 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 1.262,97 ha, tăng 1,77 ha so với kế hoạch được duyệt.

Đất phát triển hạ tầng theo kế hoạch được duyệt tăng 75,17 ha. Kết quả thực hiện tăng 10,82 ha, còn 64,35 ha chưa thực hiện, đạt tỷ lệ 14,40%.

Đồng thời, theo kế hoạch được duyệt đất phát triển hạ tầng giảm 11,12 ha. Kết quả thực hiện giảm 2,55 ha, còn 8,57 ha chưa thực hiện, đạt tỷ lệ 22,94%.

Cụ thể như sau:

- Các dự án chưa thực hiện được trong năm 2018, chuyển tiếp sang năm 2019 gồm:

+ Đất giao thông: Đất giao thông trong Khu dân cư thôn Vĩnh Tiến, xã Ninh Phúc; Đất giao thông trong Khu dân cư Đông Hạ, xã Ninh Phúc; Thi công đường Đinh Tiên Hoàng giai đoạn 2 (kéo dài); Đường Vạn Hạnh (giai đoạn I); Đất giao thông trong khu đô thị Ninh Tiến; Đất giao thông trong khu dân cư phía đông bắc trụ sở xã Ninh Nhất; Đất giao thông trong khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Minh Không; Làm đường ngõ 384 Nguyễn Công Trứ phố Phú Sơn; Thông ngõ thuộc phố Phong Đào; Dự án cải tạo nâng cấp đường Ninh Tôn; Đất giao thông trong khu dân cư ngõ 228 Lý Nhân Tông; Đất giao thông trong khu dân cư Hòa Bình; Đất giao thông trong Ô đất IX-13 Khu dân cư Nam đường Vạn Hạnh; Đất giao thông trong Khu đô thị mới phía Bắc tiểu khu IX, xã Ninh Nhất; Nâng cấp, mở rộng đường trục xã Ninh Nhất; Đất giao thông trong khu dân cư Vườn Trên; Cải tạo nút giao thông Ngô Gia Tự (đất nhà ga).

+ Đất thủy lợi: Trạm bơm trong khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Minh Không.

+ Đất cơ sở giáo dục, đào tạo: Trường mầm non Đông Thành (lấy vào sân vận động); MR khuôn viên trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng (lấy vào trường TCKT kỹ thuật và tại chức Ninh Bình); Đất giáo dục trong khu dân cư Đông Hạ;



Đất giáo dục trong khu đô thị Ninh Tiến; Đất giáo dục trong khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Minh Không; Đất giáo dục trong khu dân cư Hòa Bình; Đất giáo dục trong Khu đô thị mới phía Bắc tiểu khu IX, xã Ninh Nhất.

+ Đất chợ: Chợ đầu mối rau quả.

*\* Đất danh lam thắng cảnh:*

Diện tích đất danh lam thắng cảnh của thành phố được duyệt năm 2018 là 171,40 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 12,82 ha, giảm 158,58 ha so với kế hoạch được duyệt do cập nhật số liệu thống kê đất đai năm 2017.

*\* Đất bãi thải, xử lý rác thải*

Diện tích đất bãi thải, xử lý rác thải của thành phố được duyệt năm 2018 là không có biến động. Diện tích đất bãi thải, xử lý rác thải đến hết 31/12/2018 là 11,56 ha.

*\* Đất ở tại nông thôn*

Diện tích đất ở tại nông thôn của thành phố được duyệt năm 2018 là 323,80 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 220,29 ha, giảm 103,52 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất ở tại nông thôn tăng 114,37 ha. Kết quả thực hiện được 11,92 ha, còn 102,45 ha, đạt tỷ lệ 10,42%.

Đồng thời, theo kế hoạch được duyệt đất ở tại nông thôn giảm 1,38 ha. Kết quả chưa thực hiện được chỉ tiêu này.

Cụ thể như sau:

- Dự án chưa thực hiện được trong năm 2018, chuyển tiếp năm 2019: Khu dân cư Đông Hạ; Khu dân cư Vĩnh Tiến; Khu dân cư thôn Thượng Bắc; Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Minh Không; Khu dân cư Bắc thôn Ích Duệ; Khu dân cư Nguyễn Xá 2; Khu tái định cư dự án kết nối cao tốc; Đất ở trong khu dân cư phía đông bắc trụ sở xã Ninh Nhất; Khu dân cư Cổ Loan Trung 1; Đất ở khu đô thị mới Ninh Tiến; Khu dân cư bắc sân vận động; Khu dân cư đá nện; Khu dân cư Nguyên Ngoại 2 Bắc Vạn Hạnh; Ô đất IX-13 Khu dân cư Nam đường Vạn Hạnh; Khu dân cư phía Tây Nam Cổ Loan Hạ 2; Chuyển mục đích sử dụng đất xen kẹt trong khu dân cư; Đất ở trong khu đô thị mới phía Bắc tiểu khu IX, xã Ninh Nhất.

*\* Đất ở tại đô thị*

Diện tích đất ở tại đô thị của thành phố được duyệt năm 2018 là 648,32 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 625,41 ha, giảm 22,91 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất ở tại đô thị tăng 21,41 ha. Kết quả thực hiện tăng 9,51 ha, còn 11,90 ha chưa thực hiện, đạt tỷ lệ 44,41%. Đồng thời, theo kế hoạch được duyệt đất ở tại đô thị giảm 1,40 ha. Kết quả thực hiện giảm 0,04 ha, còn 1,36 ha chưa thực hiện, đạt tỷ lệ 2,86%.

Cụ thể như sau:

Dự án chưa thực hiện được trong năm 2018, chuyển tiếp năm 2019: Nhà ở thu nhập thấp; Đấu giá QSDĐ khu A trường TCKT kỹ thuật và tại chức Ninh Bình; Tái định cư phục vụ GPMB; Đất ở trong khu dân cư Vườn Trên; Đất ở trong khu dân cư ngõ 228 Lý Nhân Tông; Đất ở trong khu dân cư Hòa Bình.

*\* Đất xây dựng trụ sở cơ quan*

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của thành phố được duyệt năm 2018 là 49,08 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 46,74 ha, giảm 2,34 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 2,06 ha. Kết quả thực hiện tăng 0,56 ha, còn 1,50 ha chưa thực hiện, đạt tỷ lệ 27,18%.

Đồng thời, theo kế hoạch được duyệt đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 0,13 ha. Kết quả thực hiện giảm 0,13 ha, đạt 100% kế hoạch được duyệt.

Dự án chưa thực hiện được trong năm 2018, chuyển tiếp năm 2019: Trụ sở làm việc của Cục hải quan Hà Nam Ninh.

*\* Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:*

Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp của thành phố được duyệt năm 2018 là 7,0 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 6,50 ha, giảm 0,50 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp tăng 0,50 ha. Kết quả chưa thực hiện được chỉ tiêu này. Cụ thể:

- Các dự án chưa thực hiện được trong năm 2018, chuyển tiếp năm 2019: Trụ sở làm việc Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Ninh Bình (giáp đường Kênh Đô Thiên, Đường Trịnh Tú kéo dài).

*\* Đất cơ sở tôn giáo:*

Diện tích đất cơ sở tôn giáo của thành phố được duyệt năm 2018 là 11,35 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 12,02 ha, tăng 0,67 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất cơ sở tôn giáo tăng 0,97 ha. Kết quả chưa thực hiện được 0,24 ha, còn 0,73 ha chưa thực hiện, đạt 24,80 ha so với kế hoạch được duyệt.

Đồng thời, theo kế hoạch được duyệt đất cơ sở tôn giáo giảm 0,01 ha. Kết quả chưa thực hiện được chỉ tiêu này.

- Dự án chưa thực hiện được trong năm 2018, chuyển tiếp năm 2019: Đất tôn giáo trong khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Minh Không; Đất tôn giáo trong khu dân cư Hòa Bình; Đất tôn giáo trong Khu đô thị mới phía Bắc tiểu khu IX, xã Ninh Nhất.

*\* Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:*

Diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng của thành phố được duyệt năm 2018 là 62,87 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 63,27 ha, tăng 0,39 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng giảm 3,78 ha. Kết quả thực hiện giảm 1,23 ha, còn 2,55 ha chưa thực hiện, đạt tỷ lệ 32,57 ha.

*\* Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*

Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm của thành phố được duyệt năm 2018 là 1,41 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 1,41 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

*\* Đất sinh hoạt cộng đồng:*

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng của thành phố được duyệt năm 2018 là 9,58 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 8,41 ha, giảm 1,17 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất sinh hoạt cộng đồng tăng 1,65 ha. Kết quả đã thực hiện được 0,46 ha, còn 1,19 ha chưa thực hiện đạt tỷ lệ 28,09%.

- Dự án chưa thực hiện chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2019: Nhà văn hóa thôn Nguyễn Xá; Nhà văn hoá Trại Lộc; Nhà văn hoá thôn Nam

Thịnh; Nhà văn hóa trong khu đô thị mới Ninh Tiến; Nhà văn hóa trong khu dân cư Hòa Bình; Nhà văn hóa trong khu dân cư ngõ 228 Lý Nhân Tông; Mở rộng nhà văn hóa phố Thanh Bình; Đất văn hóa trong Khu đô thị mới phía Bắc tiểu khu IX, xã Ninh Nhất.

*\* Đất khu vui chơi, giải trí công cộng*

Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng của thành phố được duyệt năm 2018 là 41,90 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 42,45 ha, giảm 0,54 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất khu vui chơi, giải trí công cộng tăng 20,06 ha. Kết quả thực hiện tăng 1,11 ha, còn 18,95 ha chưa thực hiện, đạt tỷ lệ 5,52%.

- Các dự án chưa thực hiện, chuyển tiếp năm 2019: Đất khu vui chơi trong Khu dân cư Đông Hạ, xã Ninh Phúc; Khu vui chơi trong khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Minh Không; Khu vui chơi giải trí trong khu đô thị Ninh Tiến; Khu vui chơi trong khu dân cư phía đông bắc Trụ Sở xã Ninh Nhất; Khu vui chơi Ô đất IX-13 Khu dân cư Nam đường Vạn Hạnh; Công viên cây xanh trong khu dân cư ngõ 228 Lý Nhân Tông; Khu vui chơi trong khu dân cư Hòa Bình; Công viên cây xanh trong Khu đô thị mới phía Bắc tiểu khu IX, xã Ninh Nhất; Nhà văn hóa, cây xanh trong khu dân cư vườn trên; Khu thể thao, cây xanh.

*\* Đất cơ sở tín ngưỡng*

Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng của thành phố được duyệt năm 2018 là 7,88 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 8,24 ha, tăng 0,36 ha so với kế hoạch được duyệt.

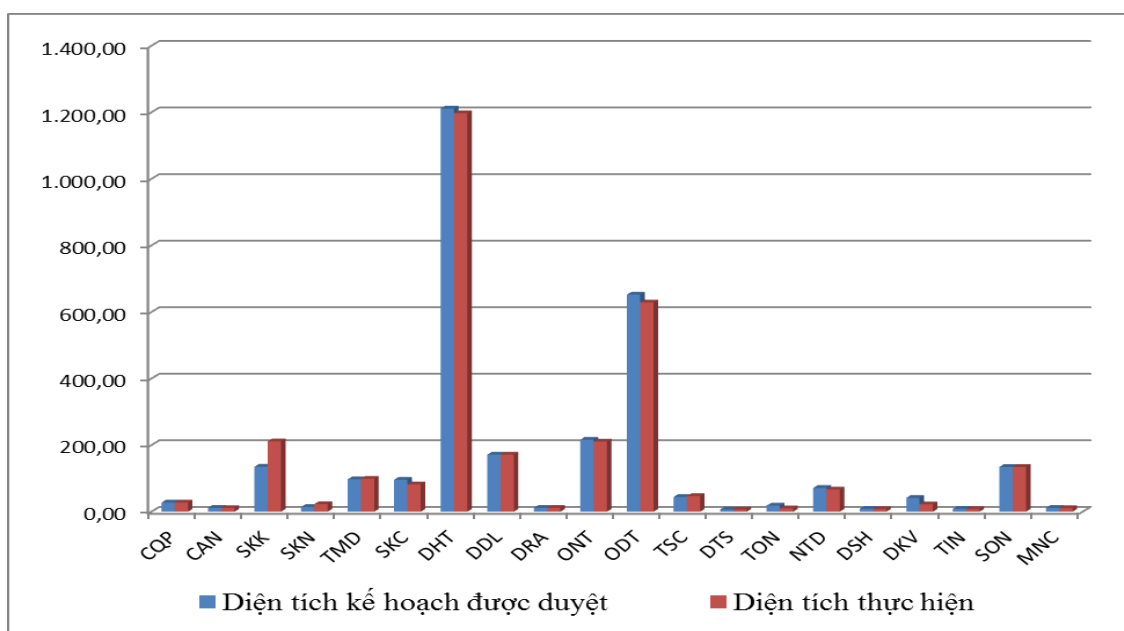
Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất cơ sở tín ngưỡng giảm 0,22 ha. Kết quả chưa thực hiện được chỉ tiêu này.

*\* Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối*

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối của thành phố được duyệt năm 2018 là 134,80 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 158,23 ha, tăng 23,43 ha so với quy hoạch được duyệt do cập nhật số liệu thống kê đất đai năm 2017.

*\* Đất có mặt nước chuyên dùng*

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng của thành phố được duyệt năm 2018 là 11,03 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 73,65 ha, tăng 62,62 so với kế hoạch được duyệt do cập nhật số liệu thống kê đất đai năm 2017.



**Hình 3. So sánh kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2018 với kế hoạch được duyệt**

### 2.3. Đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng của thành phố được duyệt năm 2018 là 114,76 ha, kết quả thực hiện đến hết 31/12/2018 là 114,14 ha, giảm 0,62 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2018, theo kế hoạch được duyệt đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng 3,54 ha. Kết quả đã đưa 0,53ha đất chưa sử dụng vào sử dụng, còn 3,01 ha chưa đưa vào sử dụng, đạt tỷ lệ 15,07%.

*Bảng 2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018 đã được phê duyệt*

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
			Diện tích	So sánh	
				Tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>1.313,99</b>	<b>1.520,71</b>	<b>206,72</b>	<b>115,73</b>
1.1	Đất trồng lúa	753,59	930,64	177,05	123,49
	<i>Tr.đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	720,62	900,55	179,93	124,97
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	281,76	296,77	15,01	105,33
1.3	Đất trồng cây lâu năm	108,22	110,35	2,14	101,98
1.4	Đất rừng phòng hộ				-
1.5	Đất rừng đặc dụng	78,67	78,67		100,00
1.6	Đất rừng sản xuất				-

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
			Diện tích	So sánh	
				Tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	88,70	101,01	12,32	113,89
1.8	Đất làm muối				-
1.9	Đất nông nghiệp khác	3,06	3,26	0,20	106,54
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>3.246,16</b>	<b>3.040,06</b>	<b>-206,10</b>	<b>93,65</b>
2.1	Đất quốc phòng	29,33	29,33	0,00	100,01
2.2	Đất an ninh	11,50	11,50		100,00
2.3	Đất khu công nghiệp	212,60	219,45	6,85	103,22
2.4	Đất khu chế xuất				-
2.5	Đất cụm công nghiệp	23,79	23,79		100,00
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	129,31	115,80	-13,51	89,55
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	86,44	86,23	-0,21	99,75
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản				-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	1.261,20	1.262,97	1,77	100,14
	<i>Đất giao thông</i>	<i>863,05</i>	<i>839,75</i>	<i>-23,30</i>	<i>97,30</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>155,56</i>	<i>154,59</i>	<i>-0,97</i>	<i>99,38</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>24,71</i>	<i>24,80</i>	<i>0,09</i>	<i>100,36</i>
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>1,45</i>	<i>1,45</i>		<i>100,00</i>
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>41,90</i>	<i>70,23</i>	<i>28,33</i>	<i>167,62</i>
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>32,07</i>	<i>32,07</i>	<i>0,00</i>	<i>100,01</i>
	<i>Đất cơ sở giáo dục đào tạo</i>	<i>109,64</i>	<i>106,45</i>	<i>-3,19</i>	<i>97,09</i>
	<i>Đất cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>24,93</i>	<i>26,61</i>	<i>1,68</i>	<i>106,75</i>
	<i>Đất dịch vụ xã hội</i>	<i>0,69</i>	<i>0,69</i>		<i>100,00</i>
	<i>Đất chợ</i>	<i>7,03</i>	<i>4,93</i>	<i>-2,10</i>	<i>70,13</i>
	<i>Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác</i>	<i>0,18</i>	<i>0,18</i>		<i>100,00</i>
2.10	Đất có di tích lịch sử văn hóa				-
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	171,40	12,82	-158,58	7,48
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	11,56	11,56		100,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	323,80	220,29	-103,52	68,03
2.14	Đất ở tại đô thị	648,32	625,41	-22,90	96,47
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	49,08	46,74	-2,34	95,23

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
			Diện tích	So sánh	
				Tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	7,00	6,50	-0,50	92,86
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao				-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	11,35	12,02	0,67	105,89
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	62,87	63,27	0,39	100,63
2.20	Đất SX vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	1,41	1,41		100,00
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	9,58	8,41	-1,17	87,82
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	41,90	42,45	0,54	101,30
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	7,88	8,24	0,36	104,57
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	134,80	158,23	23,43	117,38
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	11,03	73,65	62,62	667,76
2.26	Đất phi nông nghiệp khác				-
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>114,76</b>	<b>114,14</b>	<b>-0,62</b>	<b>99,46</b>

### III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018

#### 3.1. Những mặt được

Nhìn chung, việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của thành phố đã theo sát theo Quyết định 52/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 thành phố Ninh Bình đạt được những kết quả nhất định. Quá trình sử dụng đất đều dựa trên những quan điểm khai thác sử dụng đất đai, đảm bảo sử dụng hợp lý và hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, phù hợp với quan điểm phát triển chung của tỉnh.

- Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ thành phố tới các xã, phường.

- Làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất. Góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, ổn định tình hình xã hội của thành phố.

- Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

### **3.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Bên cạnh những kết quả đạt được thì vẫn còn một số tồn tại như: Một số dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2018 đã được duyệt nhưng chậm triển khai, chưa thực hiện được do gặp vướng mắc trong giải phóng mặt bằng, thời gian hoàn thiện thủ tục theo quy định của pháp luật kéo dài nên chưa đạt được theo kế hoạch.

*Nguyên nhân:*

- Khách quan:

Luật đất đai 2013 có hiệu lực từ ngày 1/7/2014 với những đổi mới quan trọng về chính sách đất đai, trong đó có các nội dung về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giá đất ảnh hưởng trực tiếp tới việc thực hiện đầu tư dự án.

Về nguồn vốn: Chưa đáp ứng được so với dự toán. Nhiều công trình rất cần thiết nhưng do nguồn lực đầu tư còn nhiều hạn chế hoặc bị động về nguồn vốn nên sau khi công bố triển khai quy hoạch đã phải dừng lại, nhất là các dự án quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật;

Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất để xây dựng, mở rộng, chỉnh trang phát triển đô thị cao nhưng thực hiện chưa hết diện tích, do suy thoái kinh tế, thị trường bất động sản những năm qua trầm lắng....

- Chủ quan:

Quá trình xây dựng kế hoạch sử dụng đất chưa bám sát được khả năng về nguồn vốn đầu tư thực hiện các dự án;

Một số dự án mới có chủ trương đầu tư, chưa có quyết định phê duyệt chuẩn bị đầu tư hoặc quyết định phê duyệt đầu tư đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất dẫn đến thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư chậm so với kế hoạch sử dụng đất.



### PHẦN III

## LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018

### I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐƯỢC TÍNH PHÂN BỐ

Ngày 14/8/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ra Quyết định số 1036/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thành phố Ninh Bình. Theo phương án trên, chỉ tiêu sử dụng đất năm 2019 của thành phố Ninh Bình phù hợp với chỉ tiêu đã được phê duyệt

*Bảng 3. So sánh chỉ tiêu sử dụng đất năm 2019 với chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 đã được phê duyệt*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp tỉnh phê duyệt đến năm 2020	Diện tích kế hoạch SDD năm 2019
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>4.674,91</b>	<b>4.674,91</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>539,36</b>	<b>1.231,97</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	197,94	689,00
	<i>Tr. đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>172,27</i>	<i>658,90</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	97,40	267,56
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	78,96	103,98
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	78,67	78,67
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	83,13	88,51
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	3,26	3,26
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.035,48</b>	<b>3.340,42</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	28,93	29,33
2.2	Đất an ninh	CAN	16,94	11,50
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	240,17	220,59
2.4	Đất khu chế xuất	SKT		
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	26,76	23,79
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	213,80	148,47
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	108,38	86,81
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.600,66	1.366,10
-	<i>Đất cơ ở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>136,39</i>	<i>70,23</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp tỉnh phê duyệt đến năm 2020	Diện tích kế hoạch SDD năm 2019
-	Đất cơ sở y tế	DYT	35,92	32,07
-	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	167,33	125,82
-	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	32,94	26,05
2.10	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT		
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	12,82	12,82
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	18,35	11,56
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,00	318,74
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.253,22	668,88
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	67,49	48,12
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	13,12	7,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	16,89	12,75
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	63,38	58,72
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	4,81	1,41
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	10,79	11,25
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	100,14	62,68
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	7,74	8,02
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	158,05	158,23
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	73,05	73,65
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>100,07</b>	<b>102,52</b>

## II. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

### 2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực chưa thực hiện năm 2018 phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2019

Thực hiện theo Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 thành phố Ninh Bình một số hạng mục công trình chưa thực hiện được trong năm 2018, sẽ bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2019, bao gồm:

- Đất thương mại dịch vụ: chuyển tiếp sang năm 2019 là 18 dự án, diện tích 25,98 ha gồm công trình:

- + Đất thương mại dịch vụ, hỗn hợp trong Khu đô thị mới phía Bắc tiểu khu IX, xã Ninh Nhất 4,56 ha;
- + Đất thương mại dịch vụ trong khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Minh Không xã Ninh Nhất 0,09 ha;
- + C.Ty XD Thăng Long 16 phường Ninh Phong 0,49 ha;
- + Cửa hàng trưng bày sản phẩm và hàng tiêu dùng phường Ninh Sơn 0,2 ha;
- + Dự án đầu tư xây dựng khu điều dưỡng, phục hồi chức năng và chăm sóc sức khỏe tuổi già của Công ty TNHH xây dựng thủy lợi Mạnh Hùng xã Ninh Tiến 4,0 ha;
- + Cửa hàng xăng dầu thôn Phúc Trung xã Ninh Phúc 0,90 ha;
- + Cửa hàng xăng dầu thôn Đào Công xã Ninh Phúc 0,12 ha;
- + Cửa hàng xăng dầu phường Ninh Sơn 0,50 ha;
- + Trung tâm dịch vụ vườn bia Hà Nội xã Ninh Tiến 2,20 ha;
- + Trạm dừng nghỉ cao tốc Đông Ninh Bình xã Ninh Phúc 5,30 ha;
- + Đấu giá đất xây dựng Siêu thị hạng 3 phường Bích Đào 0,05 ha;
- + Đầu tư xây dựng nhà ăn uống và dịch vụ hỗ trợ vận tải xã Ninh Tiến 0,74 ha;
- + Trung tâm thường trực cứu hộ GT và dịch vụ hỗ trợ vận tải (Quang Dũng) phường Ninh Phong 1,60 ha;
- + Showroom ô tô 3s của công ty Phúc Minh Thảo phường Ninh Phong 1,02 ha;
- + Xây dựng trung tâm máy - thiết bị phục vụ nông - công nghiệp của công ty Khang Tuệ phường Ninh Phong 1,07 ha;
- + Showroom ô tô, xe máy công ty Vinh Thủy phường Ninh Phong 1,02 ha;
- + Đấu giá đất thương mại dịch vụ phường Thanh Bình 1,30 ha;
- + Đấu giá đất thương mại dịch vụ phường Nam Bình 0,82 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: diện tích 0,88 ha để xây dựng Xưởng gia công cơ khí và sản xuất cấu kiện thép (Thanh Toàn) phường Ninh Phong;
- Đất khu công nghiệp: diện tích 1,14 ha với hạng mục khu công nghiệp Phúc Sơn (bổ sung) 1,14 ha;
- Đất phát triển hạ tầng:
- + Đất giao thông: chuyển tiếp sang năm 2018 là 17 dự án, với diện tích

64,74 ha gồm các công trình:

Đất giao thông trong Khu dân cư thôn Vĩnh Tiến, xã Ninh Phúc 0,57 ha;

Đất giao thông trong Khu dân cư Đông Hạ, xã Ninh Phúc 1,04 ha;

Thi công đường Đinh Tiên Hoàng giai đoạn 2 (kéo dài) 2,36 ha;

Đường Vạn Hạnh (giai đoạn I) 0,08 ha;

Đất giao thông trong khu đô thị Ninh Tiến 22,90 ha;

Đất giao thông trong khu dân cư phía đông bắc trụ sở xã Ninh Nhất 1,82 ha;

Đất giao thông trong khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Minh Không 5,66 ha;

Làm đường ngõ 384 Nguyễn Công Trứ phố Phú Sơn 0,37 ha;

Thông ngõ thuộc phố Phong Đào phường Ninh Sơn 0,1 ha;

Dự án cải tạo nâng cấp đường Ninh Tôn xã Ninh Phúc 1,21 ha;

Đất giao thông trong khu dân cư ngõ 228 Lý Nhân Tông phường Nam Bình 4,66 ha;

Đất giao thông trong khu dân cư Hòa Bình Xã Ninh Tiến, Nam Thành 2,39 ha;

Đất giao thông trong Ô đất IX-13 Khu dân cư Nam đường Vạn Hạnh xã Ninh Nhất 2,48 ha;

Đất giao thông trong Khu đô thị mới phía Bắc tiểu khu IX, xã Ninh Nhất 16,34 ha;

Nâng cấp, mở rộng đường trục xã Ninh Nhất 1,5 ha;

Đất giao thông trong khu dân cư Vườn Trên phường Ninh Sơn 1,24 ha;

Cải tạo nút giao thông Ngô Gia Tự (đất nhà ga) 0,02 ha;

+ Đất thủy lợi: diện tích 0,09 ha với hạng mục trạm bơm trong khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Minh Không.

+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo: chuyển tiếp sang năm 2018 là 07 dự án, với diện tích 3,66 ha gồm các công trình:

Trường mầm non Đông Thành (lấy vào sân vận động) 0,56 ha;

MR khuôn viên trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng (Lấy vào trường TCKT kỹ thuật và tại chức Ninh Bình) 0,10 ha;

Đất giáo dục trong khu dân cư Đông Hạ 0,19 ha;

Đất giáo dục trong khu đô thị Ninh Tiến 0,37 ha;

Đất giáo dục trong khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Minh Không 0,48 ha;

Đất giáo dục trong khu dân cư Hòa Bình 0,17 ha;

Đất giáo dục trong Khu đô thị mới phía Bắc tiểu khu IX, xã Ninh Nhất 1,80 ha.

+ Đất chợ: diện tích 2,10 ha với hạng mục chợ đầu mối rau quả xã Ninh Tiến.

- Đất ở tại nông thôn: chuyển tiếp sang năm 2019 là 17 dự án với diện tích 101,48 ha để xây dựng các công trình sau:

*Bảng 4. Các công trình đất ở nông thôn chưa thực hiện chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2019*

STT	Hạng mục	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm
1	Khu dân cư Đông Hạ	1,26	Xã Ninh Phúc
2	Khu dân cư Vĩnh Tiến	0,68	Xã Ninh Phúc
3	Khu dân cư thôn Thượng Bắc	0,98	Xã Ninh Nhất
4	Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Minh Không	6,70	Xã Ninh Nhất
5	Khu dân cư Bắc thôn Ích Duệ	3,46	Xã Ninh Nhất
6	Khu dân cư Nguyễn Xá 2	0,30	Xã Ninh Nhất
7	Khu tái định cư dự án kết nối cao tốc	1,38	Xã Ninh Phúc
8	Đất ở trong khu dân cư phía đông bắc trụ sở xã Ninh Nhất	3,62	Xã Ninh Nhất
9	Khu dân cư Cỏ Loan Trung 1	18,53	Xã Ninh Tiến
10	Đất ở khu đô thị mới Ninh Tiến	21,16	Xã Ninh Tiến
11	Khu dân cư bắc sân vận động	4,80	Xã Ninh Phúc
12	Khu dân cư đá nện	0,80	Xã Ninh Phúc
13	Khu dân cư Nguyên Ngoại 2 Bắc Vạn Hạnh	14,00	Xã Ninh Nhất
14	Ô đất IX-13 Khu dân cư Nam đường Vạn Hạnh	4,96	Xã Ninh Nhất
15	Khu dân cư phía Tây Nam Cỏ Loan Hạ 2	2,81	Xã Ninh Tiến
16	Chuyển mục đích sử dụng đất xen kẹt trong khu dân cư	1,20	Các xã
17	Đất ở trong khu đô thị mới phía Bắc tiểu khu IX, xã Ninh Nhất	14,84	Xã Ninh Nhất

- Đất ở tại đô thị: chuyển tiếp sang năm 2019 là 06 dự án với diện tích 11,05 ha để xây dựng các công trình sau:

- + Nhà ở thu nhập thấp phường Ninh Phong 2,0 ha;
- + Đấu giá QSD khu A trường TCKT kỹ thuật và tại chức Ninh Bình 0,36 ha;
- + Tái định cư phục vụ GPMB phường Ninh Khánh 2,00 ha;
- + Đất ở trong khu dân cư Vườn Trên phường Ninh Sơn 1,22 ha;
- + Đất ở trong khu dân cư ngõ 228 Lý Nhân Tông 3,62 ha;
- + Đất ở trong khu dân cư Hòa Bình 1,85 ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: diện tích 1,5 ha để xây dựng trụ sở làm việc của Cục hải quan Hà Nam Ninh.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: chuyển tiếp năm 2019 là 1 dự án với diện tích 0,50 ha để xây dựng trụ sở làm việc Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Ninh Bình (giáp đường Kênh Đô Thiên, đường Trịnh Tú kéo dài).

- Đất cơ sở tôn giáo: chuyển tiếp sang năm 2019 là 03 dự án với diện tích 0,74 ha gồm các hạng mục:

- + Đất tôn giáo trong khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Minh Không 0,19 ha;
- + Đất tôn giáo trong khu dân cư Hòa Bình 0,3 ha;
- + Đất tôn giáo trong Khu đô thị mới phía Bắc tiểu khu IX, xã Ninh Nhất 0,25 ha.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: diện tích 1,28 ha gồm các công trình:

- + Nhà văn hóa thôn Nguyễn Xá 0,05 ha;
- + Nhà văn hoá Trại Lộc 0,04 ha;
- + Nhà văn hoá thôn Nam Thịnh 0,12 ha;
- + Nhà văn hóa trong khu đô thị mới Ninh Tiến 0,36 ha;
- + Nhà văn hóa trong khu dân cư Hòa Bình 0,1 ha;
- + Nhà văn hóa trong khu dân cư ngõ 228 Lý Nhân Tông 0,07 ha;
- + Mở rộng nhà văn hóa phố Thanh Bình 0,03 ha;
- + Đất văn hóa trong Khu đô thị mới phía Bắc tiểu khu IX, xã Ninh Nhất 0,51 ha.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 16,55 ha gồm 10 công trình:

- + Đất khu vui chơi trong Khu dân cư Đông Hạ, xã Ninh Phúc 0,22 ha;

- + Khu vui chơi trong khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Minh Không 0,96 ha;
- + Khu vui chơi giải trí trong khu đô thị Ninh Tiến 9,28 ha;
- + Khu vui chơi trong khu dân cư phía đông bắc Trụ Sở xã Ninh Nhất 1,81 ha;
- + Khu vui chơi Ô đất IX-13 Khu dân cư Nam đường Vạn Hạnh 2,5 ha;
- + Công viên cây xanh trong khu dân cư ngõ 228 Lý Nhân Tông 0,83 ha;
- + Khu vui chơi trong khu dân cư Hòa Bình 0,2 ha;
- + Công viên cây xanh trong Khu đô thị mới phía Bắc tiểu khu IX, xã Ninh Nhất 0,62 ha;
- + Nhà văn hóa, cây xanh trong khu dân cư vườn trên phường Ninh Sơn 0,06 ha;
- + Khu thể thao, cây xanh xã Ninh Nhất 0,09 ha.

*Bảng 5. Chỉ tiêu đất năm 2018 chưa thực hiện chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2019*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu sử dụng đất</b>	<b>Mã</b>	<b>Diện tích (ha)</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>231,69</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1,14
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	25,98
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,88
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	70,59
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	64,74
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	0,09
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	
	<i>Đất cơ ở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu sử dụng đất</b>	<b>Mã</b>	<b>Diện tích (ha)</b>
	<i>Đất cơ sở giáo dục đào tạo</i>	<i>DGD</i>	3,66
	<i>Đất cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	
	<i>Đất khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>	
	<i>Đất dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	2,1
2.10	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	101,48
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	11,05
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,5
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,50
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,74
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,28
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	16,55
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	

## **2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình trong năm 2019**

- Đất thương mại dịch vụ: Nhu cầu sử dụng đất thương mại, dịch vụ năm 2019 là 6,75 ha để thực hiện 7 dự án sau:

+ Đất thương mại dịch vụ Khu dân cư phía Nam Cầu vượt Ninh Phong 0,69 ha;

+ Đất thương mại dịch vụ Khu dân cư phía Nam đường Trần Nhân Tông (Nam vành đai 3) 0,99 ha;



- + Mở rộng trụ sở nhà điều hành sản xuất của Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình 0,05 ha;
- + Cửa hàng bán lẻ xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Khánh Trung 1,10 ha;
- + Cửa hàng kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ và dịch vụ tổng hợp 1,10 ha;
- + Thực hiện di chuyển chợ Ròng 2,70 ha.
- + Công ty TNHH MTV sở xố kiến thiết Ninh Bình 0,12 ha;
- Đất giao thông: Nhu cầu sử dụng đất giao thông năm 2019 là 56,09 ha để thực hiện các dự án sau:

*Bảng 6. Chỉ tiêu đất giao thông năm 2019 trên địa bàn thành phố Ninh Bình*

STT	Hạng mục	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm
1	Đất giao thông trong Khu dân cư phía Đông trụ sở Nam Bình	4,88	Phường Nam Bình
2	Đất giao thông Khu dân cư phía Nam trụ sở Ninh Phong	6,26	Phường Ninh Phong
3	Đất giao thông Khu dân cư phía Nam Cầu vượt Ninh Phong	9,20	Phường Ninh Phong
4	Đất giao thông Khu dân cư mới phía Tây đường Lý Nhân Tông	6,46	Phường Ninh Phong
5	Đất giao thông Khu dân cư mới phía Tây đường Phạm Thận Duật (Nam đường T26)	9,45	Phường Ninh Sơn
6	Đất giao thông Khu dân cư phía Nam đường Trần Nhân Tông (Nam vành đai 3)	7,64	Phường Ninh Sơn, Ninh Phong
7	Đất cao tốc Cầu Giẽ	12,20	

- Đất cơ sở giáo dục đào tạo: Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục đào tạo năm 2019 là 17,50 ha để thực hiện các dự án sau:

*Bảng 7. Chỉ tiêu đất cơ sở giáo dục đào tạo năm 2019*

STT	Hạng mục	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã, phường)
1	Trường liên cấp Tràng An	2,25	Phường Ninh Khánh
2	Mở rộng trường MN Ninh Phong	0,75	Phường Ninh Phong
3	Đất giáo dục trong Khu dân cư phía Đông trụ sở Nam Bình	4,56	Phường Nam Bình
4	Đất giáo dục Khu dân cư phía Nam Cầu vượt Ninh Phong	0,69	Phường Ninh Phong

<b>STT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Tổng diện tích (ha)</b>	<b>Địa điểm (đến cấp xã, phường)</b>
6	Trường THPT trong khu dân cư mới phía Đông đường Nguyễn Hữu An	2,00	Xã Ninh Tiến
7	Mở rộng trường tiểu học Thanh Bình (công ty Cơ khí lắp máy Lilama)	0,30	Phường Thanh Bình
8	Trường liên cấp chất lượng cao Mai Thế Hệ	1,95	Xã Ninh Tiến
9	Trường THPT chuyên tỉnh Ninh Bình	5,00	Xã Ninh Nhất

- Đất ở tại đô thị: Nhu cầu sử dụng đất ở tại đô thị năm 2019 là 35,96 ha để thực hiện các dự án sau:

*Bảng 8. Chỉ tiêu đất ở tại đô thị năm 2019 trên địa bàn thành phố Ninh Bình*

<b>STT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Tổng diện tích (ha)</b>	<b>Địa điểm (đến cấp xã, phường)</b>
1	Đất ở Khu dân cư phía Đông trụ sở Nam Bình	1,74	Phường Nam Bình
2	Đất ở Khu dân cư phía Nam trụ sở Ninh Phong	4,84	Phường Ninh Phong
3	Đất ở Khu dân cư phía Nam Cầu vượt Ninh Phong	7,89	Phường Ninh Phong
4	Đất ở Khu dân cư mới phía Tây đường Lý Nhân Tông	11,88	Phường Ninh Phong
5	Đất ở Khu dân cư mới phía Tây đường Phạm Thận Duật (Nam đường T26)	4,89	Phường Ninh Sơn
6	Đất ở Khu dân cư phía Nam đường Trần Nhân Tông (Nam vành đai 3)	4,72	Phường Ninh Sơn, Ninh Phong

- Đất cơ sở tôn giáo: Nhu cầu sử dụng đất cơ sở tôn giáo năm 2019 là 0,39 ha với hạng mục đất tôn giáo Khu dân cư phía Nam Cầu vượt Ninh Phong.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Nhu cầu sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng năm 2019 là 1,55 ha để thực hiện các dự án sau:

*Bảng 9. Chỉ tiêu đất sinh hoạt công cộng năm 2019 trên địa bàn TP Ninh Bình*

STT	Hạng mục	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã, phường)
1	Đất công trình công cộng Khu dân cư phía Nam trụ sở Ninh Phong	0,39	Xã Ninh Tiến
2	Đất công cộng, nhà văn hóa Khu dân cư phía Nam Cầu vượt Ninh Phong	0,33	Xã Ninh Tiến, phường Nam Thành
3	Đất công trình công cộng Khu dân cư mới phía Tây đường Phạm Thận Duật (Nam đường T26)	0,61	Phường Ninh Phong
4	Đất nhà văn hóa Khu dân cư phía Nam đường Trần Nhân Tông (Nam vành đai 3)	0,23	Phường Ninh Phong

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Nhu cầu sử dụng đất khu vui chơi, giải trí công cộng năm 2019 là 3,68 ha để thực hiện các dự án sau:

*Bảng 10. Chỉ tiêu đất khu vui chơi giải trí năm 2019 trên địa bàn TP Ninh Bình*

STT	Hạng mục	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã, phường)
1	Đất cây xanh trong Khu dân cư phía Đông trụ sở Nam Bình	0,82	Phường Nam Bình
2	Đất cây xanh Khu dân cư phía Nam trụ sở Ninh Phong	0,51	Phường Ninh Phong
3	Đất cây xanh Khu dân cư phía Nam Cầu vượt Ninh Phong	0,91	Phường Ninh Phong
4	Đất cây xanh Khu dân cư mới phía Tây đường Phạm Thận Duật (Nam đường T26)	0,67	Phường Ninh Sơn
5	Đất công viên cây xanh Khu dân cư phía Nam đường Trần Nhân Tông (Nam vành đai 3)	0,43	Phường Ninh Sơn, Ninh Phong
6	Khu cây xanh TDTT và dịch vụ giải trí 2899	0,33	Phường Ninh Sơn, phường Nam Bình

*Bảng 11. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân, năm 2019*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>121,64</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	6,75
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	73,59
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>56,09</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	
	<i>Đất cơ sở giáo dục đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>17,50</i>
	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	
	<i>Đất khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>	
	<i>Đất dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	35,96
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.7	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,11
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,55
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	3,68
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	

## **2.3. Tổng hợp cân đối nhu cầu sử dụng đất trong năm 2019**

### **2.3.1. Đất nông nghiệp**

Đến cuối năm 2019, đất nông nghiệp có diện tích 1.231,97 ha, chiếm 26,35% tổng diện tích tự nhiên, giảm 288,74 ha so với năm hiện trạng. Cụ thể các loại đất như sau:

#### *\* Đất trồng lúa*

Diện tích đất trồng lúa năm 2018 là 930,64 ha.

Trong năm 2019, đất trồng lúa chủ chuyển giảm 241,64 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất thương mại dịch vụ 25,76 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,88 ha;
- Đất phát triển hạ tầng 97,48 ha. Trong đó: đất giao thông 84,93 ha; đất thủy lợi 0,09 ha; đất cơ sở giáo dục đào tạo 10,36 ha; đất chợ 2,10 ha;
- Đất ở tại nông thôn 70,95 ha;
- Đất ở tại đô thị 22,63 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 1,50 ha;
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,5 ha;
- Đất cơ sở tôn giáo 0,74 ha;
- Đất sinh hoạt cộng đồng 2,75 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 18,46 ha.

Đến cuối năm 2019, diện tích đất trồng lúa trên địa bàn thành phố còn 689 ha, giảm 241,64 ha so với hiện trạng, chiếm 55,93% tổng diện tích đất nông nghiệp.

#### *\* Đất trồng cây hàng năm khác*

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác năm 2018 là 296,77 ha.

Trong năm 2019, đất trồng cây hàng năm khác giảm 29,21 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất khu công nghiệp 0,77 ha;
- Đất thương mại dịch vụ 2,24 ha;
- Đất phát triển hạ tầng 7,97 ha: đất giao thông 7,36 ha; đất cơ sở giáo dục đào tạo 0,61 ha.
- Đất ở tại nông thôn 12,49 ha;

- Đất ở tại đô thị 5,35 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,39 ha.

Đến cuối năm 2019, diện tích đất trồng cây hàng năm khác trên địa bàn thành phố còn 267,56 ha, giảm 29,21 ha so với hiện trạng, chiếm 21,72% tổng diện tích đất nông nghiệp.

*\* Đất trồng cây lâu năm*

Diện tích đất trồng cây lâu năm năm 2018 là 110,35 ha.

Trong năm 2019, đất trồng cây lâu năm giảm 6,38 ha so với năm hiện trạng do chuyển sang các loại đất:

- Đất phát triển hạ tầng (đất giao thông) 1,13 ha;
- Đất ở tại nông thôn 0,57 ha;
- Đất ở tại đô thị 4,60 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,07 ha.

Đến cuối năm 2019, diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn thành phố còn 103,98 ha, giảm 6,38 ha so với hiện trạng, chiếm 8,44% tổng diện tích đất nông nghiệp.

*\* Đất rừng đặc dụng*

Diện tích đất rừng đặc dụng năm 2018 là 78,67 ha. Trong năm 2019, đất rừng đặc dụng không có biến động, chiếm 6,39% tổng diện tích đất nông nghiệp.

*\* Đất nuôi trồng thủy sản*

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản năm 2018 là 101,01 ha.

Trong năm 2019, đất nuôi trồng thủy sản giảm 11,51 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất thương mại dịch vụ 1,15 ha;
- Đất phát triển hạ tầng 1,97 ha: (đất giao thông 1,97 ha)
- Đất ở tại nông thôn 6,02 ha;
- Đất ở tại đô thị 2,92 ha;
- Đất sinh hoạt cộng đồng 0,05 ha.
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,39 ha.

Đến cuối năm 2019, diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 89,50 ha, giảm 11,51 ha so với hiện trạng, chiếm 7,27% tổng diện tích đất nông nghiệp.

*\* Đất nông nghiệp khác*

Diện tích đất nông nghiệp khác năm 2018 là 3,26 ha.

Trong năm 2019, đất nông nghiệp khác không có biến động, chiếm 0,26% tổng diện tích đất nông nghiệp.

*Bảng 12. Diện tích đất nông nghiệp phân bổ cho các xã, phường*

TT	Xã, thị trấn	Đất nông nghiệp (ha)	TT	Xã, thị trấn	Đất nông nghiệp (ha)
1	Phường Bích Đào	7,87	8	Phường Phúc Thành	1,57
2	Phường Đông Thành		9	Phường Tân Thành	
3	Phường Nam Bình	16,23	10	Phường Thanh Bình	7,24
4	Phường Nam Thành	9,87	11	Phường Vân Giang	
5	Phường Ninh Khánh	89,24	12	Xã Ninh Nhất	208,56
6	Phường Ninh Phong	216,64	13	Xã Ninh Phúc	253,05
7	Phường Ninh Sơn	219,96	14	Xã Ninh Tiến	201,73
				<b>Tổng</b>	<b>1.231,97</b>

### ***b. Đất phi nông nghiệp***

Đến cuối năm 2019, diện tích đất phi nông nghiệp của thành phố là 3.340,42 ha, chiếm 71,45% tổng diện tích tự nhiên, tăng 300,36 ha so với hiện trạng. Cụ thể các loại đất như sau:

#### *\* Đất quốc phòng*

Diện tích đất quốc phòng năm 2018 là 29,33 ha.

Trong năm 2019, diện tích đất an ninh không thay đổi, chiếm 0,88% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

#### *\* Đất an ninh*

Diện tích đất an ninh năm 2018 là 11,50 ha.

Trong năm 2019, diện tích đất an ninh không thay đổi, chiếm 0,34% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

#### *\* Đất khu công nghiệp*

Diện tích đất khu công nghiệp năm 2018 là 219,45 ha.

Trong năm 2019, đất khu công nghiệp tăng 1,14 ha do chuyển từ các loại đất: đất trồng cây hàng năm khác 0,77 ha, đất ở tại nông thôn 0,22 ha và đất ở tại đô thị 0,15 ha.

Đến cuối năm 2019, diện tích đất khu công nghiệp là 220,59 ha, chiếm 6,60% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

*\* Đất cụm công nghiệp*

Diện tích đất cụm công nghiệp năm 2018 là 23,79 ha. Trong năm 2019, đất cụm công nghiệp không thay đổi, chiếm 0,71% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

*\* Đất thương mại, dịch vụ*

Diện tích đất thương mại, dịch vụ năm 2018 là 115,80 ha. Trong năm 2019, đất thương mại, dịch vụ tăng 32,68 ha do chuyển từ: đất trồng lúa 25,76 ha; đất trồng cây hàng năm khác 2,24 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,15 ha; đất phát triển hạ tầng 2,96 ha (đất giao thông 0,14 ha; đất thủy lợi 0,12 ha); đất chợ 2,70 ha; đất ở nông thôn 0,05 ha; đất ở đô thị 0,05 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,12 ha; đất chưa sử dụng 1,35 ha.

Đến cuối năm 2019, diện tích đất thương mại, dịch vụ là 148,47 ha, chiếm 4,44% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

*\* Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2018 là 86,53 ha.

Trong năm 2019, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp biến động như sau:

Chuyển từ đất trồng lúa 0,88 ha

Chuyển sang đất phát triển hạ tầng (cụ thể là đất giáo dục) 0,30 ha.

Đến cuối 2019, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 86,81 ha, tăng 0,58 ha, chiếm 2,60% diện tích đất phi nông nghiệp.

*\* Đất phát triển hạ tầng*

Diện tích đất phát triển hạ tầng năm 2018 là 1.262,97 ha.

Đến cuối năm 2019, diện tích đất phát triển hạ tầng là 1.366,10 ha, chiếm 40,90% tổng diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng 103,13 ha so với hiện trạng. Cụ thể các loại đất như sau:

*+ Đất giao thông*

Diện tích đất giao thông năm 2018 là 839,75 ha.

Trong năm 2019, đất giao thông tăng 102,77 ha do chuyển từ các loại đất: đất trồng lúa 84,93 ha; đất trồng cây hàng năm khác 7,36 ha; đất trồng cây lâu năm 1,13 ha; đất nuôi trồng thủy sản 1,97 ha; đất thủy lợi 3,62 ha; đất giáo dục 0,05 ha; đất ở nông thôn 1,33 ha; đất ở tại đô thị 1,81 ha; đất cơ sở tôn giáo



0,01 ha; đất nghĩa trang, nghĩa địa 0,24 ha; đất chưa sử dụng 0,31 ha.

Đồng thời, đất giao thông giảm 9,44 ha do chuyển sang các loại đất: đất thương mại dịch vụ 0,14 ha; đất giáo dục 0,61 ha; đất ở tại nông thôn 3,74 ha; đất ở tại đô thị 4,70 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,25 ha.

Đến cuối năm 2019, diện tích đất giao thông là 933,07 ha, chiếm 68,30% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng, thực tăng 93,33 ha so với năm hiện trạng.

+ Đất thủy lợi

Diện tích đất thủy lợi năm 2018 là 154,59 ha.

Trong năm 2019, đất thủy lợi tăng 0,09 ha do chuyển từ đất trồng lúa.

Đồng thời, đất thủy lợi giảm 8,50 ha do chuyển sang: đất thương mại dịch vụ 0,12 ha; đất giao thông 3,62 ha; đất ở nông thôn 2,86 ha; đất ở đô thị 1,83 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,08 ha.

Đến cuối năm 2019, diện tích đất thủy lợi là 146,18 ha, chiếm 10,70% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng, thực giảm 8,41 ha so với năm hiện trạng.

+ Đất công trình năng lượng

Diện tích đất công trình năng lượng năm 2018 là 24,80 ha. Trong năm 2019, đất công trình năng lượng không có sự thay đổi, chiếm 1,82% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông

Diện tích đất công trình bưu chính viễn thông năm 2018 là 1,45 ha. Trong năm 2019, diện tích đất công trình bưu chính viễn thông không có biến động, chiếm 0,11% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất cơ sở văn hóa

Diện tích đất cơ sở văn hóa năm 2018 là 70,23 ha.

Năm 2019, đất cơ sở văn hóa không có sự thay đổi, chiếm 5,14% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất cơ sở y tế

Diện tích đất cơ sở y tế năm 2018 là 32,07 ha.

Trong năm 2019, đất cơ sở y tế không có biến động so với năm hiện trạng, chiếm 2,35% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất cơ sở giáo dục đào tạo

Diện tích đất cơ sở giáo dục đào tạo năm 2018 là 106,45 ha.

Trong năm 2019, đất cơ sở giáo dục đào tạo tăng 19,91 ha do chuyển từ

các loại đất: đất trồng lúa 10,36 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,61 ha; đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,30 ha; đất giao thông 0,61 ha; đất cơ sở thể dục thể thao 0,56 ha; đất nghĩa trang nghĩa địa 0,50 ha; đất chưa sử dụng 6,97 ha.

Đồng thời, đất cơ sở giáo dục đào tạo giảm 0,54 ha do chuyển sang các loại đất: đất giao thông 0,05 ha; đất ở nông thôn 0,09 ha; đất ở tại đô thị 0,36 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,05 ha.

Đến cuối năm 2019, diện tích đất cơ sở giáo dục đào tạo là 125,82 ha, chiếm 9,21% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng, thực tăng 19,37 ha so với năm hiện trạng.

+ Đất cơ sở thể dục thể thao

Diện tích đất cơ sở thể dục thể thao năm 2018 là 26,61 ha.

Trong năm 2019, đất cơ sở thể dục thể thao giảm 0,56 ha do chuyển sang đất cơ sở giáo dục đào tạo.

Đến cuối năm 2019, đất cơ sở thể dục thể thao là 26,05 ha, chiếm 1,91% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng, giảm 0,56 ha so với hiện trạng.

+ Đất dịch vụ xã hội

Diện tích đất dịch vụ xã hội năm 2018 là 0,69 ha. Trong năm 2019, diện tích đất dịch vụ xã hội không có biến động, chiếm 0,05% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

+ Đất chợ

Diện tích đất chợ năm 2018 là 4,93 ha.

Trong năm 2019, diện tích đất chợ tăng 2,1 ha do chuyển từ đất trồng lúa. Đồng thời, diện tích đất chợ cũng giảm 2,70 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ.

Đến cuối năm 2019 diện tích đất chợ là 4,33 ha, chiếm 0,32% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng, giảm 0,06 ha so với năm hiện trạng.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác

Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp khác năm 2018 là 0,18 ha. Trong năm 2019, diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp khác không có biến động, chiếm 0,01% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất công trình công cộng khác

Diện tích đất công trình công cộng khác năm 2018 là 1,22 ha. Trong năm 2019, diện tích đất công trình công cộng khác không có biến động, chiếm 0,09%

tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

*\* Đất danh lam thắng cảnh*

Diện tích đất danh lam thắng cảnh năm 2018 là 12,82 ha. Trong năm 2019, diện tích đất danh lam thắng cảnh không có biến động, chiếm 0,38% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

*\* Đất bãi thải, xử lý chất thải*

Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2018 là 11,56 ha. Trong năm 2019, đất bãi thải, xử lý chất thải tăng không có biến động, chiếm 0,35% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

*\* Đất ở tại nông thôn*

Diện tích đất ở tại nông thôn năm 2018 là 220,97 ha.

Trong năm 2019, đất ở tại nông thôn tăng 100,06 ha do chuyển từ các loại đất: trồng lúa 70,95 ha; đất trồng cây hàng năm khác 12,49 ha; đất trồng cây lâu năm 0,57 ha; đất nuôi trồng thủy sản 6,02 ha; đất phát triển hạ tầng 6,69 ha (đất giao thông 3,74 ha; đất thủy lợi 2,86 ha; đất cơ sở giáo dục đào tạo 0,09 ha); đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 2,15 ha; đất cơ sở tín ngưỡng 0,22 ha; đất chưa sử dụng 0,97 ha.

Đồng thời, đất ở tại nông thôn giảm 1,60 ha do chuyển sang đất: đất khu công nghiệp 0,22 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,05 ha; đất phát triển hạ tầng (đất giao thông) 1,33 ha.

Đến cuối năm 2019, đất ở tại nông thôn có diện tích 318,74 ha, chiếm 9,54% tổng diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng 98,46 ha so với năm hiện trạng.

*\* Đất ở tại đô thị*

Diện tích đất ở tại đô thị năm 2018 là 625,41 ha.

Trong năm 2019, đất ở tại đô thị tăng 45,48 ha do chuyển từ các loại đất: trồng lúa 22,63 ha; đất trồng cây hàng năm khác 5,35 ha; đất trồng cây lâu năm 0,57 ha; đất nuôi trồng thủy sản 2,92 ha; đất phát triển hạ tầng 6,89 ha (đất giao thông 4,70 ha; đất thủy lợi 1,83 ha; đất cơ sở giáo dục đào tạo 0,36 ha); đất nghĩa trang, nghĩa địa 1,54 ha; đất chưa sử dụng 1,56 ha.

Đồng thời, đất ở tại đô thị giảm 2,01 ha do chuyển sang đất: đất khu công nghiệp 0,15 ha; thương mại dịch vụ 0,05 ha; phát triển hạ tầng 1,81 ha (đất giao thông).

Đến cuối năm 2019, diện tích đất ở tại đô thị là 668,88 ha, chiếm 20,02%

tổng diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng 43,47 ha so với năm hiện trạng.

*\* Đất xây dựng trụ sở cơ quan*

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2018 là 46,74 ha.

Trong năm 2019, đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 1,50 ha do chuyển từ đất trồng lúa. Đồng thời, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan cũng giảm 0,12 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ.

Đến cuối năm 2019, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 48,12 ha, chiếm 1,44% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 1,38 ha so với năm hiện trạng.

*\* Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*

Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp năm 2018 là 6,5 ha.

Trong năm 2019, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp tăng 0,50 ha do chuyển từ đất trồng lúa.

Đến cuối năm 2019, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 7,0 ha, chiếm 0,21% diện tích đất phi nông nghiệp.

*\* Đất cơ sở tôn giáo*

Diện tích đất cơ sở tôn giáo năm 2018 là 12,02 ha. Năm 2019, diện tích đất cơ sở tôn giáo tăng 0,73 ha do chuyển đất trồng lúa. Đồng thời giảm 0,01 ha do chuyển sang đất giao thông.

Đến cuối năm 2019, diện tích đất cơ sở tôn giáo là 12,74 ha, chiếm 0,38% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

*\* Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*

Diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng năm 2018 là 63,27 ha.

Trong năm 2019, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng giảm 4,55 ha do chuyển sang các loại đất: đất phát triển hạ tầng 0,74 ha (đất giao thông 0,24 ha; đất giáo dục 0,50 ha; ) đất ở nông thôn 2,15 ha; đất ở đô thị 1,54 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,11 ha.

Đến cuối năm 2019, diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 58,72 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích đất phi nông nghiệp, giảm 4,55 ha so với năm hiện trạng.

*\* Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*

Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm năm 2018 là 1,41 ha. Trong năm 2019, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm không có biến động, chiếm 0,04% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

*\* Đất sinh hoạt cộng đồng*

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng năm 2018 là 8,41 ha.

Trong năm 2019, đất sinh hoạt cộng đồng tăng 2,83 ha do chuyển từ các loại đất: trồng lúa 2,75 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,05 ha; đất chưa sử dụng 0,03 ha.

Đến cuối năm 2019, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng là 11,25 ha, chiếm 0,34% tổng diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 2,83 ha so với năm hiện trạng.

*\* Đất khu vui chơi, giải trí công cộng*

Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng năm 2018 là 42,45 ha.

Trong năm 2019, đất khu vui chơi, giải trí công cộng tăng 20,23 ha do chuyển từ các loại đất: trồng lúa 18,46 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,39 ha; đất trồng cây lâu năm 0,07 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,39 ha; đất phát triển hạ tầng 0,38 ha (đất giao thông 0,25 ha; đất thủy lợi 0,08 ha, đất giáo dục 0,05 ha); đất nghĩa trang, nghĩa địa 0,11 ha; đất chưa sử dụng 0,43 ha.

Đến cuối năm 2019, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 62,8 ha, chiếm 1,88% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

*\* Đất cơ sở tín ngưỡng*

Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng năm 2018 là 8,24 ha. Trong năm 2019, đất cơ sở tín ngưỡng giảm 0,22 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn. Đến cuối năm 2019 diện tích đất cơ sở tín ngưỡng 8,02 ha, chiếm 0,24% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

*\* Đất sông, ngòi, kênh rạch, suối*

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2018 là 158,23 ha. Trong năm 2019, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối không có biến động, chiếm 4,74% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

*\* Đất có mặt nước chuyên dùng*

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng năm 2018 là 73,65 ha. Trong năm 2019, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng không có biến động, chiếm 2,20% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

Bảng 13. Diện tích đất phi nông nghiệp phân bổ cho các xã, phường

TT	Xã, thị trấn	Đất phi nông nghiệp (ha)	TT	Xã, thị trấn	Đất phi nông nghiệp (ha)
1	Phường Bích Đào	217,93	8	Phường Phúc Thành	101,55
2	Phường Đông Thành	166,71	9	Phường Tân Thành	175,11
3	Phường Nam Bình	166,77	10	Phường Thanh Bình	136,53
4	Phường Nam Thành	176,06	11	Phường Vân Giang	35,42
5	Phường Ninh Khánh	430,18	12	Xã Ninh Nhất	483,98
6	Phường Ninh Phong	321,45	13	Xã Ninh Phúc	371,17
7	Phường Ninh Sơn	245,88	14	Xã Ninh Tiến	311,68
				<b>Tổng</b>	<b>3.340,42</b>

### c. Đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2018 là 114,14 ha.

Trong năm 2019, đất chưa sử dụng giảm 11,62 ha do chuyển sang các loại đất: thương mại, dịch vụ 1,35 ha; đất phát triển hạ tầng 7,28 ha (đất giao thông 0,31 ha; đất giáo dục 6,97 ha); đất ở tại nông thôn 0,97 ha; đất ở tại đô thị 1,56 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,03 ha; khu vui chơi, giải trí công cộng 0,43ha.

Đến cuối năm 2019, diện tích đất chưa sử dụng của thành phố là 102,52 ha, chiếm 2,19% tổng diện tích tự nhiên.

### 2.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Trong năm 2019 để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành phục vụ quá trình công nghiệp hoá; hiện đại hoá, thì đòi hỏi phải có một quỹ đất hợp lý đáp ứng cho sự phát triển đó. Đáp ứng yêu cầu đó, trong năm 2019 này diện tích các loại đất chuyển mục đích trên địa bàn thành phố Ninh Bình như sau:

Bảng 14. Diện tích đất cần chuyển mục đích phân bố trên địa bàn các phường, xã

STT	Xã, thị trấn	Các loại đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp				Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở
		Đất trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	
1	Phường Bích Đào					0,36
2	Phường Đông Thành					
3	Phường Nam Bình	14,13	4,02	0,40	0,02	0,31
4	Phường Nam Thành	1,58	0,30	0,05	0,20	0,10
5	Phường Ninh Khánh	6,23	0,02			
6	Phường Ninh Phong	45,10	4,01	4,05	2,30	6,89
7	Phường Ninh Sơn	15,23	3,67	1,05	1,31	0,66
8	Phường Phúc Thành					
9	Phường Tân Thành					
10	Phường Thanh Bình					
11	Phường Vân Giang					
12	Xã Ninh Nhất	75,28	3,49	0,59	4,98	4,19
13	Xã Ninh Phúc	7,97	10,17		0,02	0,02
14	Xã Ninh Tiến	76,12	3,53	0,24	2,68	4,95
<b>Tổng</b>		<b>241,64</b>	<b>29,21</b>	<b>6,38</b>	<b>11,51</b>	<b>17,48</b>

- Diện tích chuyển đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp 288,74 ha. Trong đó:

- + Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp 241,64 ha;
- + Đất trồng cây HN khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 29,21 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 6,38 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp là 11,515 ha;
- Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở 17,48 ha.

## 2.5. Diện tích đất cần thu hồi

Trong năm 2019, các loại đất cần thu hồi như sau:

Bảng 15. Diện tích đất thu hồi năm 2019 chia theo đơn vị hành chính

STT	Xã, thị trấn	Diện tích các loại đất cần thu hồi				
		Đất trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất ở tại đô thị	Các loại đất khác còn lại
1	Phường Bích Đào					0,46
2	Phường Đông Thành					0,56
3	Phường Nam Bình	14,13	3,20	0,52		3,59
4	Phường Nam Thành					
5	Phường Ninh Khánh	6,23	0,02		1,31	0,55
6	Phường Ninh Phong	31,96	3,19	2,00		15,06
7	Phường Ninh Sơn	10,20	2,20	1,06	2,19	1,93
8	Phường Phúc Thành					
9	Phường Tân Thành					
10	Phường Thanh Bình					0,02
11	Phường Vân Giang					
12	Xã Ninh Nhất	75,28	3,49	4,98		6,71
13	Xã Ninh Phúc	7,47	9,70	0,02		1,25
14	Xã Ninh Tiến	67,62	3,23	2,48		6,13
<b>Tổng</b>		<b>212,89</b>	<b>25,03</b>	<b>11,06</b>	<b>3,50</b>	<b>36,27</b>

- Đất nông nghiệp diện tích thu hồi là 255,26 ha. Cụ thể:

+ Đất trồng lúa 212,89 ha;

+ Đất trồng cây hàng năm khác 25,03 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm 6,28 ha;

+ Đất nuôi trồng thủy sản 11,06 ha;

- Diện tích đất phi nông nghiệp thu hồi là 33,49 ha. Cụ thể:

+ Đất phát triển hạ tầng 23,33 ha;

+ Đất ở tại nông thôn 1,77 ha;

+ Đất ở tại đô thị 3,50 ha;

+ Đất cơ sở tôn giáo 0,12 ha;

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 4,55 ha;



+ Đất cơ sở tín ngưỡng 0,22 ha.

## 2.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Để khai thác triệt để và có hiệu quả tiềm năng đất đai, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất các ngành; kế hoạch trong năm 2019 sẽ khai thác diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng các mục đích trong nhóm đất phi nông nghiệp là 11,62 ha, cụ thể như sau:

- + Đất thương mại, dịch vụ 1,35 ha;
- + Đất phát triển hạ tầng 7,28 ha;
- + Đất ở tại nông thôn 0,97 ha;
- + Đất ở tại đô thị 1,56 ha;
- + Đất sinh hoạt cộng đồng 0,03 ha;
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,43 ha.

*Bảng 16. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2019 chia theo đơn vị hành chính*

TT	Xã, phường	Đất phi nông nghiệp					
		TMD	DHT	ONT	ODT	DSH	DKV
1	Phường Bích Đào						
2	Phường Đông Thành	0,05					
3	Phường Nam Bình						0,17
4	Phường Nam Thành				0,05		
5	Phường Ninh Khánh		0,08				
6	Phường Ninh Phong		0,02		0,72		
7	Phường Ninh Sơn		0,12		0,74	0,03	0,16
8	Phường Phúc Thành						
9	Phường Tân Thành						
10	Phường Thanh Bình	1,30					
11	Phường Vân Giang						
12	Xã Ninh Nhất		5,11	0,46			0,10
13	Xã Ninh Phúc						
14	Xã Ninh Tiến		1,95	0,50	0,05		
<b>Tổng</b>		<b>1,35</b>	<b>7,28</b>	<b>0,97</b>	<b>1,50</b>	<b>0,03</b>	<b>0,43</b>

## **2.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch**

*(Chi tiết xem biểu 10/CH)*

## **2.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất**

Việc tính toán chi phí bồi thường của các công trình/dự án trong Kế hoạch sử dụng đất chỉ tính toán về bồi thường đất và hỗ trợ về đất; các chi phí về bồi thường tài sản gắn liền với đất như nhà ở, công trình khác, mồ mả, cây cối, hoa màu,... chưa được tính toán; việc tính toán các chi phí này sẽ được tính toán cụ thể, chi tiết khi triển khai lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của chủ đầu tư công trình/dự án, phải phối hợp.... Việc tính toán các khoản thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở sẽ kéo dài nhiều năm mới có được số tiền dự toán, tiền cho thuê đất sẽ thu hàng năm sau khi hết thời hạn ưu đãi. Nhưng chi phí bồi thường đất phải có bố trí trong năm 2019 và dự toán thu chi chỉ mang tính khái toán, có độ chính xác không cao nhưng có đủ cơ sở để các chủ đầu tư xác định được nguồn vốn phải cần có để thực hiện bồi thường, thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất.

### ***2.8.1. Cơ sở tính toán các nguồn thu chi từ đất***

Dự toán thu chi từ đất của phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2019 thành phố Ninh Bình dựa vào các căn cứ sau:

- Luật Đất đai 2013;

- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Căn cứ Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 về việc ban hành bảng giá đất điều chỉnh bảng giá các loại đất giai đoạn 2015-2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình;

- Căn cứ Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 13/2/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình V/v quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018 để xác định giá đất cụ thể tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

**2.8.2. Dự toán thu, chi**

**a. Dự toán thu**

- Thu tiền khi giao đất ở đô thị: đối với các phường nội thị thành phố Ninh Bình tính bình quân 2.000.000 đồng/m<sup>2</sup>

- Thu tiền khi giao đất ở nông thôn: tính bình quân 1.500.000 đồng/m<sup>2</sup>

- Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (thuê đất trả tiền hàng năm).

*Đơn giá thuê đất hàng năm = Tỷ lệ phần trăm (%) nhân (x) Giá đất tính thu tiền thuê đất.*

+ Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất một năm là 1,2% đối với phường nội thị thành phố;

+ Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất một năm là 1,1% đối với các xã còn lại.

*Bảng 17. Các khoản thu chủ yếu trong kỳ kế hoạch*

Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (nghìn đồng/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (triệu đồng)	Ước thu thực tế (triệu đồng)
Thu tiền khi giao đất ở đô thị	45,48	2.000	909.535	409.291
Thu tiền khi giao đất ở nông thôn	100,06	1.500	1.500.840	675.378
Thu từ cho thuê đất phi nông nghiệp tại nông thôn	24,12	1.000	2.653	1.592
Thu từ cho thuê đất phi nông nghiệp tại đô thị	10,58	1.400	1.777	889
<b>Tổng thu</b>			<b>2.414.806</b>	<b>1.087.149</b>

**b. Dự toán chi**

- Giá bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm tính bình quân

69.000 đồng/m<sup>2</sup>.

- Giá bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm tính bình quân 100.000 đồng/m<sup>2</sup>.

- Giá bồi thường đất nuôi trồng thủy sản tính bình quân 100.000 đồng/m<sup>2</sup>.

- Giá bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị 2.500.000 đồng/m<sup>2</sup>.

- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn: 1.500.000 đồng/m<sup>2</sup>.

*Bảng 17. Các khoản chi chủ yếu trong kỳ kế hoạch*

Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (nghìn đồng/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (triệu đồng)
Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm	25,03	207	51.808
Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	6,28	300	18.836
Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	11,06	100	11.059
Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị	3,50	2.500	87.575
Chi bồi thường đất sản xuất kinh doanh	0,00	1.750	0
Chi xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn (dưới 35% thu từ đất đấu giá)			368.787
<b>Tổng chi</b>			<b>538.065</b>

*c. Cân đối thu chi*

Tổng thu: **1.087.149** triệu đồng

Tổng chi: **538.065** triệu đồng

Cân đối (thu-chi): **549.084** triệu đồng.

## PHẦN IV

### GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

#### I. CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ MÔI TRƯỜNG

- Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai thực tế trên địa bàn thành phố nhằm không ngừng nâng cao độ phì của đất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp, tránh khai thác quá mức làm thoái hóa đất. Hạn chế sử dụng quá nhiều phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp - thủy sản, tích cực làm giàu đất, chống ô nhiễm môi trường đất.

- Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao kiến thức cho người dân về các biện pháp xử lý bảo quản và sử dụng thuốc các loại hóa chất nói chung thuốc bảo vệ thực vật nói riêng, tổ chức tập huấn sản xuất nông nghiệp an toàn.

- Tuyên truyền khuyến khích vận động nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Các phụ phẩm nông nghiệp, rác thải nông nghiệp cần được thu gom bảo đảm vệ sinh môi trường.

- Khuyến khích xây dựng quy trình trang trại an toàn sinh học trong các trang trại chăn nuôi tập trung. Triển khai các chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi sạch, hỗ trợ xây dựng các công trình xử lý chất thải chăn nuôi, quy hoạch chăn nuôi và đẩy mạnh quản lý nhà nước về môi trường trong chăn nuôi.

- Giám sát kỹ phân đánh giá môi trường và giải pháp xử lý chất thải, nước thải trong các dự án đầu tư, kiên quyết loại bỏ các dự án không đáp ứng yêu cầu về môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp sản xuất có yếu tố có thể gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý và khắc phục. Giám sát chặt chẽ các điểm dịch vụ tập trung trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải có hệ thống kết cấu xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, phải có khoảng cách an toàn môi trường đối với khu dân cư

- Tăng cường phối hợp các ngành, các cơ quan chuyên môn trong việc thực thi pháp luật môi trường. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật để mọi hộ sản xuất, kinh doanh dịch vụ và nhân dân nắm bắt, từ đó nghiêm túc thực hiện quy định.

- Không hình thành mới các cơ sở thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao hoặc có công đoạn sản xuất gây ô nhiễm môi trường tại các khu vực đông dân cư nông thôn. Khuyến khích di dời toàn bộ các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra các cụm công nghiệp

- Tăng cường trồng cây phân tán dọc theo các tuyến kênh, mương, đường giao thông nhằm tăng khả năng che phủ đất, góp phần cải tạo môi trường đô thị cũng như khu dân cư nông thôn tập trung.

## **II. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **2.1. Giải pháp về quản lý**

- Để đảm bảo kế hoạch sử dụng đất mang tính hiện thực, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và bảo vệ môi trường, trong quá trình tổ chức thực hiện, cần phối hợp chặt chẽ giữa các ngành trong việc phân bổ cụ thể quỹ đất về quy mô diện tích, địa điểm và thời gian thực hiện.

- Trên cơ sở phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đã được UBND tỉnh xét duyệt, tiến hành tổ chức thông báo công khai, rộng rãi phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến các Ban ngành, tổ chức, đoàn thể và nhân dân trong thành phố biết để thực hiện theo đúng quy hoạch, kế hoạch và quy định của Luật đất đai. Niêm yết công khai danh mục các công trình, dự án đến từng địa phương xã, thôn để mọi người dân đều biết và cùng thực hiện.

- Chỉ đạo thực hiện đồng bộ và thường xuyên 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai ở tất cả các xã và các ngành trên địa bàn thành phố. Triển khai thực hiện việc quản lý đất đai, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo đúng thẩm quyền và căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt theo đúng quy định hiện hành.

- Tăng cường triển khai công tác kiểm tra, thanh tra việc sử dụng đất, bảo vệ môi trường và việc thực hiện kế hoạch của thành phố nhằm giám sát hoạt động của hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; khắc phục các nhược điểm hiện có và nâng cao chất lượng triển khai.

- Tăng cường sự phối hợp giữa kế hoạch phát triển kinh tế, phát triển đô thị, đầu tư hạ tầng với kế hoạch sử dụng đất để nâng cao tính thực tiễn, hiệu quả sử dụng đất. Đưa các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất vào hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Đầu tư đồng bộ kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng với phát triển đô thị, ưu tiên dành đất cho các nhu cầu bắt buộc nhằm phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất bền vững.

- Ưu tiên bố trí quỹ đất tái định cư cho các hộ bị giải tỏa, thu hồi đất và đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển ổn định đời sống cho nhân dân.

- Cần có kế hoạch cụ thể, giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn, đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp khi bị thu hồi đất sản xuất

## **2.2. Giải pháp về kinh tế**

- Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá (khu đô thị mới, trung tâm hành chính, chợ đầu mối, các trục giao thông nội thị...). Cần thực hiện lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đối với các phân khu chức năng các quy hoạch đô thị, trung tâm hành chính xã... tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tham gia.

- Thực hiện chính sách đổi đất tạo vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng, thông qua các biện pháp: Chuyển đổi vị trí của các trụ sở cơ quan hành chính có lợi thế, tiềm năng về kinh doanh dịch vụ và thương mại, phát triển đô thị; Khai thác hiệu quả về mặt vị trí thuận lợi, về dịch vụ thương mại, công nghiệp, các khu dân cư đô thị... đối với khu vực ven trục giao thông, các trung tâm hành chính xã, phường và các chợ đầu mối...

- Chỉ đạo UBND xã, phường căn cứ vào các mục tiêu của kế hoạch tiến hành xây dựng các phương án đầu tư bằng nhiều hình thức để người dân, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư cùng thực hiện.

- Về vốn đầu tư, ngoài nguồn vốn từ ngân sách, thành phố sẽ tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh và an ninh quốc phòng như : Giáo dục, y tế, giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng...trên cơ sở phát huy truyền thống, tích cực của quần chúng nhân dân. Đồng thời, phải có biện pháp ưu đãi thiết thực đối với nhân dân khi hiến đất; có kế hoạch bố trí vốn từ ngân sách Nhà nước để chỉnh lý biến động đất đai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận... Huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển thông qua chính sách khuyến khích đầu tư.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **I. KẾT LUẬN**

Kế hoạch sử dụng đất thành phố Ninh Bình năm 2019 được xây dựng trên cơ sở đánh giá hiện trạng sử dụng đất của thành phố, thể hiện được chiến lược sử dụng đất trên địa bàn thành phố, định hướng phát triển kinh tế xã hội của thành phố và định hướng phát triển chung của toàn tỉnh, đảm bảo tính thực tiễn. Đồng thời là công cụ quan trọng để các xã, phường trong thành phố thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo pháp luật.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đã xử lý, tổng hợp được hầu hết các nghiên cứu, đề án và phương hướng phát triển của các cấp, các ngành từ Trung ương, thành phố, và các xã, phường trên cơ sở cân đối hài hoà giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai, đảm bảo tính thực tiễn và có tính khả thi.

- Để đảm bảo cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đất nông nghiệp tiếp tục có xu hướng giảm, nhưng với việc đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất sẽ nâng hiệu quả sử dụng đất đảm bảo an ninh lương thực.

- Đất phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng khu vực. Đáp ứng được nhu cầu của người dân địa phương và đảm bảo mục tiêu đô thị hoá.

- Các loại đất phát triển cơ sở hạ tầng khác như đất giao thông, thuỷ lợi đến quốc phòng an ninh, nghĩa trang, nghĩa địa... trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của các xã, phường.

### **II. KIẾN NGHỊ**

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, UBND thành phố Ninh Bình kiến nghị UBND tỉnh, các Sở ban ngành một số vấn đề sau:

- UBND tỉnh, các Sở ban ngành quan tâm chỉ đạo, đầu tư kinh phí để thực hiện đồng bộ các chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch sử dụng đất của thành phố.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, hỗ trợ thành phố trong việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong các hoạt động sản xuất.



## HỆ THỐNG BIỂU TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

<b>TT</b>	<b>Ký hiệu biểu</b>	<b>Tên biểu</b>
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2018 của thành phố Ninh Bình
2	Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thành phố Ninh Bình
3	Biểu 06/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Ninh Bình
4	Biểu 07/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 của thành phố Ninh Bình
5	Biểu 08/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2019 của thành phố Ninh Bình
6	Biểu 09/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2019 của thành phố Ninh Bình
7	Biểu 13/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Ninh Bình